

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Vân Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG
MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Vân Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS.Phạm Văn Tường**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Vân Anh

Mã SV: 1354010329

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính trong doanh nghiệp.
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia, sử dụng số liệu năm 2012.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia.
 - Địa chỉ: Số 60 - Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường.

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công tác trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Vân Anh

ThS.Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1. MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1.1. Doanh thu.	2
1.1.1.1. Khái niệm.	2
1.1.1.2. Các loại doanh thu.....	2
1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.....	4
1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.	5
1.1.2. Chi phí.....	6
1.1.2.1. Khái niệm.	6
1.1.2.2. Các loại chi phí.....	6
1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí.....	8
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3.1. Khái niệm.	8
1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.	9
1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	10
1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	10
1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2.2.1. Vai trò.....	11
1.2.2.2. Nhiệm vụ.....	11
1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	12
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	12

1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	12
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:.....	13
1.3.1.3. Quy trình hạch toán.....	14
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	19
1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	19
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.....	19
1.3.2.3. Quy trình hạch toán.....	21
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	22
1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn.....	22
1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	24
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.....	24
1.3.3.4. Quy trình hạch toán.....	25
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	27
1.3.4.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	27
1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	27
1.3.4.3. Quy trình hạch toán.....	28
1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	29
1.3.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	29
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.....	29
1.3.5.3. Quy trình hạch toán.....	30
1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	31
1.3.6.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	31
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.....	31
1.3.6.3. Quy trình hạch toán.....	32
1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	34
1.3.7.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	34
1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.....	34
1.3.7.3. Quy trình hạch toán.....	35
1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	37
1.3.8.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	37

1.3.8.2. Tài khoản sử dụng.....	37
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.....	42
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	42
1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.....	43
1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	45
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	46
1.4.4. Hình thức kế toán Máy vi tính.	47
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.	48
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.	48
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	48
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.....	48
2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty.....	48
2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua.....	49
2.1.2.3.Thuận lợi và khó khăn.....	49
2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.....	50
2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.....	51
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.....	52
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	52
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	53
2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.....	53
2.2.1.3. Quy trình hạch toán.....	54
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	68
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	68
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	68

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.	68
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.	69
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	74
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	75
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.	76
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.	76
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	84
2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	84
2.2.5.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.	84
2.2.5.3. Quy trình hạch toán.	84
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	89
2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	89
2.2.6.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.	91
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.	100
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.	100
3.1.1. Ưu điểm.	100
3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.	100
3.1.1.2. Về hình thức kế toán.	101
3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán.	101
3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	101
3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.	102
3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí.	102
3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.	103
3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.	103

3.1.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.	103
3.1.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.	103
3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC CHI PHÍ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.	104
3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.	104
3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.	104
3.2.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí.	105
3.2.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.	106
3.2.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.	107
3.2.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.	112
3.2.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.	113
KẾT LUẬN	118
TÀI LIỆU THAM KHẢO	119

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	14
Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)	15
Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng thông qua đại lý	16
Sơ đồ 04: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.....	18
Sơ đồ 05: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ	19
Sơ đồ 06: Kế toán chiết khấu thương mại.....	21
Sơ đồ 07: Kế toán giảm giá hàng bán.	21
Sơ đồ 08: Kế toán hàng bán bị trả lại.....	22
Sơ đồ 09: Kế toán giá vốn hàng bán.	25
Sơ đồ 10: Kế toán chi phí bán hàng.	28
Sơ đồ 11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	30
Sơ đồ 12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	32
Sơ đồ 13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	32
Sơ đồ 14: Kế toán thu nhập khác.	36
Sơ đồ 15: Kế toán chi phí khác.	37
Sơ đồ 16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	41
Sơ đồ 17: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	42
Sơ đồ 18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.	42
Sơ đồ 19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng Từ - Ghi Sổ.	44
Sơ đồ 20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái.....	45
Sơ đồ 21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký - Chứng Từ.....	46
Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	47
Sơ đồ 23: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.	50
Sơ đồ 24: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	51
Sơ đồ 25: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 1: Phiếu xuất kho số 07/12.....	57
Biểu số 2: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0001318	58
Biểu số 3: Phiếu thu số 05/12.....	59
Biểu số 4: Phiếu xuất kho số 13/12.....	60
Biểu số 5: Hoá đơn GTGT số 0001323	61
Biểu số 6: Phiếu thu số 08/12.....	62
Biểu số 7: Trích Bảng kê bán hàng	63
Biểu số 8: Trích Sổ Nhật ký chung.....	64
Biểu số 9: Trích Sổ Cái tài khoản 511.	65
Biểu số 10: Trích Sổ Cái tài khoản 111.	66
Biểu số 11: Trích Sổ Cái tài khoản 3331.	67
Biểu số 12: Phiếu xuất kho số 07/12.....	71
Biểu số 13: Phiếu xuất kho số 10/12.....	72
Biểu số 14: Trích Sổ Nhật ký chung	73
Biểu số 15: Trích Sổ Cái tài khoản 632.	74
Biểu số 16: Hoá đơn GTGT số 0001821.	78
Biểu số 17: Phiếu chi số 08/12.....	79
Biểu số 18: Hoá đơn dịch vụ viễn thông.....	80
Biểu số 19: Phiếu chi số 13/12.....	81
Biểu số 20: Trích Sổ Nhật ký chung.....	82
Biểu số 21: Trích Sổ Cái tài khoản 642.	83
Biểu số 22: Giấy báo Có số 000562.....	86
Biểu số 23: Trích Sổ tiền gửi ngân hàng.....	87
Biểu số 24: Trích Sổ Nhật ký chung.....	88
Biểu số 25: Trích Sổ Cái tài khoản 515.	89
Biểu số 26: Phiếu kế toán số 04/12.....	92
Biểu số 27: Phiếu kế toán số 05/12.....	92
Biểu số 28: Phiếu kế toán số 06/12.....	93

Biểu số 29: Phiếu kế toán số 07/12.....	93
Biểu số 30: Phiếu kế toán số 08/12.....	94
Biểu số 31: Trích Sổ Nhật ký chung.....	95
Biểu số 32: Trích Sổ Cái tài khoản 911.....	96
Biểu số 33: Trích Sổ Cái tài khoản 821.....	97
Biểu số 34: Trích Sổ Cái tài khoản 421.....	98
Biểu số 35: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012.....	99
Biểu số 36: Trích Sổ chi tiết doanh thu máy biến tần INVT CHV 180.....	109
Biểu số 37: Trích Sổ chi tiết doanh thu.....	110
Biểu số 38: Trích Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực thương mại.....	111
Biểu số 39: Trích Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực dịch vụ.....	112

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 1: Giao diện bàn làm việc của phần mềm kế toán Misa.	114
Hình ảnh 2: Phần mềm kế toán ESoft Financials.	115
Hình ảnh 3: Giao diện bàn làm việc của phần mềm kế toán Fast Accounting.....	116
Hình ảnh 4: Giao diện bàn làm việc phần mềm kế toán CNS Accounting. .	117

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và phát triển vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với cả Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính ... Bởi vì nó cho ta thấy được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có tốt hay không, có đạt được mục tiêu là tăng doanh thu, giảm chi phí, tối đa hoá lợi nhuận như doanh nghiệp đó đã đề ra hay không?. Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

Qua thời gia thực tập tại Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia, kết hợp với những kiến thức có được trên giảng đường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế cùng với việc đi sâu nghiên cứu trong quá trình thực tập em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia”*** cho đề tài khoá luận của mình.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1. Doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán hoặc sẽ thu được, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

1.1.1.2. Các loại doanh thu.

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu ngoài giá bán (nếu có).

Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá do doanh nghiệp mua vào.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Các khoản thu nhập khác.

Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14: “doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2001.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ là giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn cả 4 điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- ❖ **Doanh thu nội bộ:** Là số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là số tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác...

1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.

- ❖ Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.
- ❖ Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.
- ❖ Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác” ; nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.
- ❖ Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.
- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.
- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- ❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu).
- ❖ Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- ❖ Với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.
- ❖ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng là giá bán trả tiền ngay, và doanh thu chưa thực hiện là phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu trong kỳ, bao gồm:

- ❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.
- ❖ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ❖ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị các loại hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- ❖ **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu những mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, tiêu dùng như hàng xa xỉ, rượu, bia, thuốc lá,...

❖ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Được tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

➔ **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.2. Chi phí.

1.1.2.1. Khái niệm.

Theo chuẩn mực kế toán số 01: “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo quyết định 165/2002/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2002:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.2.2. Các loại chi phí.

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ: Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
- Đối với hàng hoá tiêu thụ: Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua hàng của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ **Chi phí bán hàng:** Là các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu, bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng trong bán hàng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền khác.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản.
- Thuế, phí, lệ phí.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Chi phí chiết khấu thanh toán...

❖ **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, bao gồm:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.
 - Chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản.
 - Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản cố định khi đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.
 - Chi cho tài trợ, biếu tặng, viện trợ...
- ❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí.

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, và phải áp dụng trong ít nhất một kỳ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ để xác định giá trị vật tư, hàng hoá xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá vốn của hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Khái niệm.

Xác định kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả từ

hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả từ hoạt động tài chính, kết quả từ hoạt động khác.

1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.

- ❖ **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động kinh doanh.
- ❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- ❖ **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi sẽ được doanh nghiệp phân phối theo trình tự:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- Trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua, doanh nghiệp đã lãi hay lỗ, là kinh doanh hiệu quả hay không. Điều này đã giúp nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên những thông tin thu thập được.

❖ Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

- Dựa vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tầm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.
- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đảm bảo

doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả mà đảm bảo nguồn vốn Nhà nước không bị thất thoát.

- ❖ **Đối với nhà đầu tư:** Giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.
- ❖ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.
- ❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ cho doanh nghiệp chậm thanh toán, ...

1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.1. Vai trò.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho Ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho biết được trong kỳ kế toán đó công ty lãi hay lỗ. Vì vậy việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.2.2.2. Nhiệm vụ.

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán sau:

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng)
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...
- Sổ chi tiết bán hàng.
- Bảng kê bán hàng.
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 512, 3331
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính, ...

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:

- ❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 TK cấp 2:
 - TK 5111- Doanh thu bán hàng.
 - TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
 - TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
 - TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
 - TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
 - TK 5118- Doanh thu khác.
- ❖ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ.
 - TK 5121- Doanh thu bán hàng hoá.
 - TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm.
 - TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- ❖ Tài khoản 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Kết cấu tài khoản 511, 512

Nợ	TK 511, 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp • Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại • Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

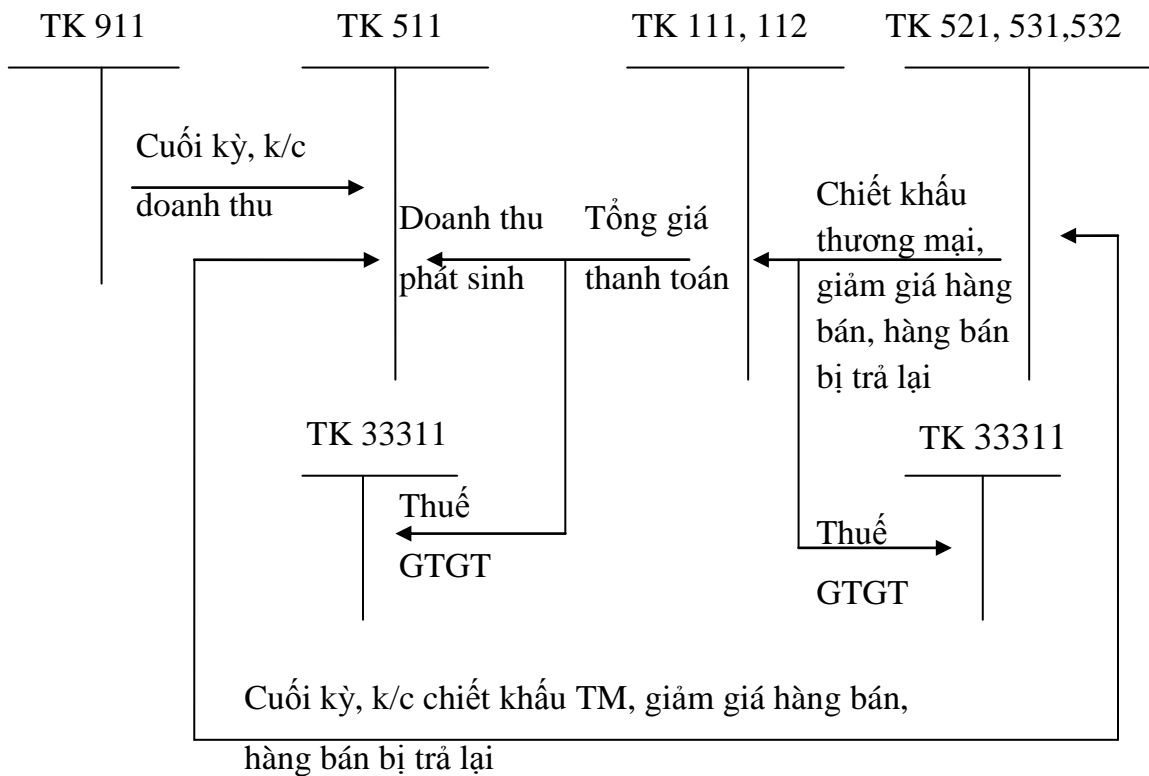
TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ

1.3.1.3. Quy trình hạch toán.

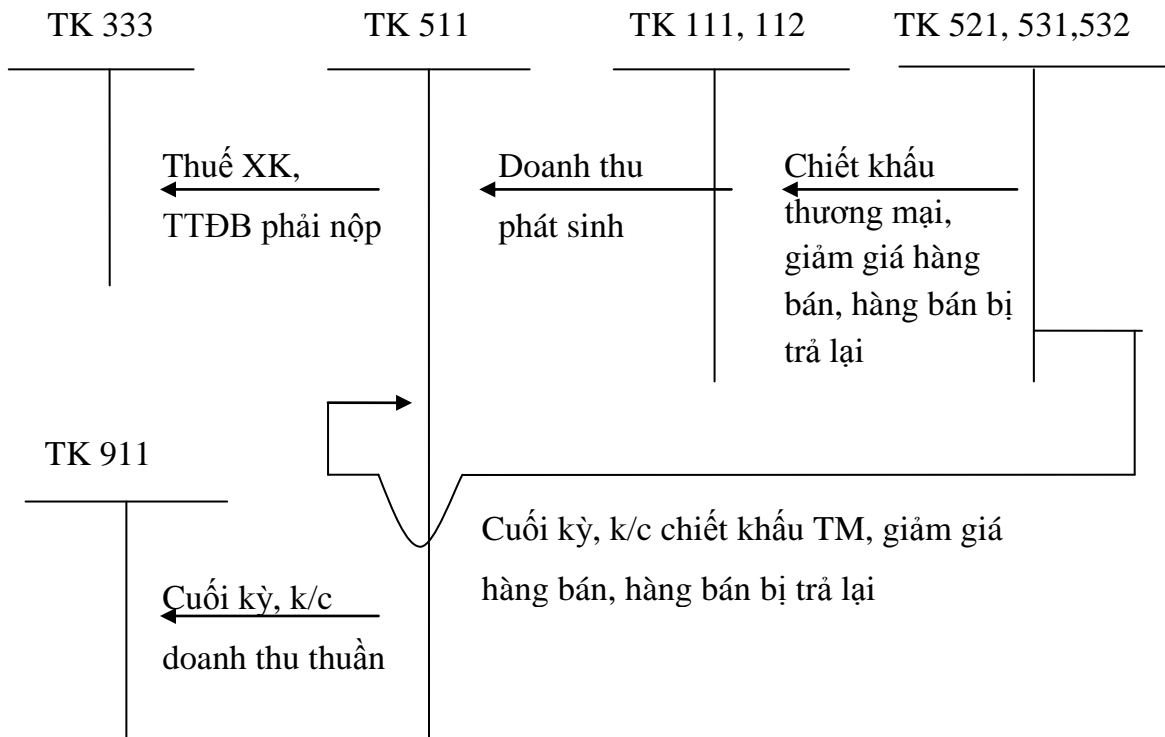
❖ Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.

Là phương thức bán hàng mà khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp hoặc thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thoả thuận.

**Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



**Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)**



❖ Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.

Là phương thức bán hàng mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

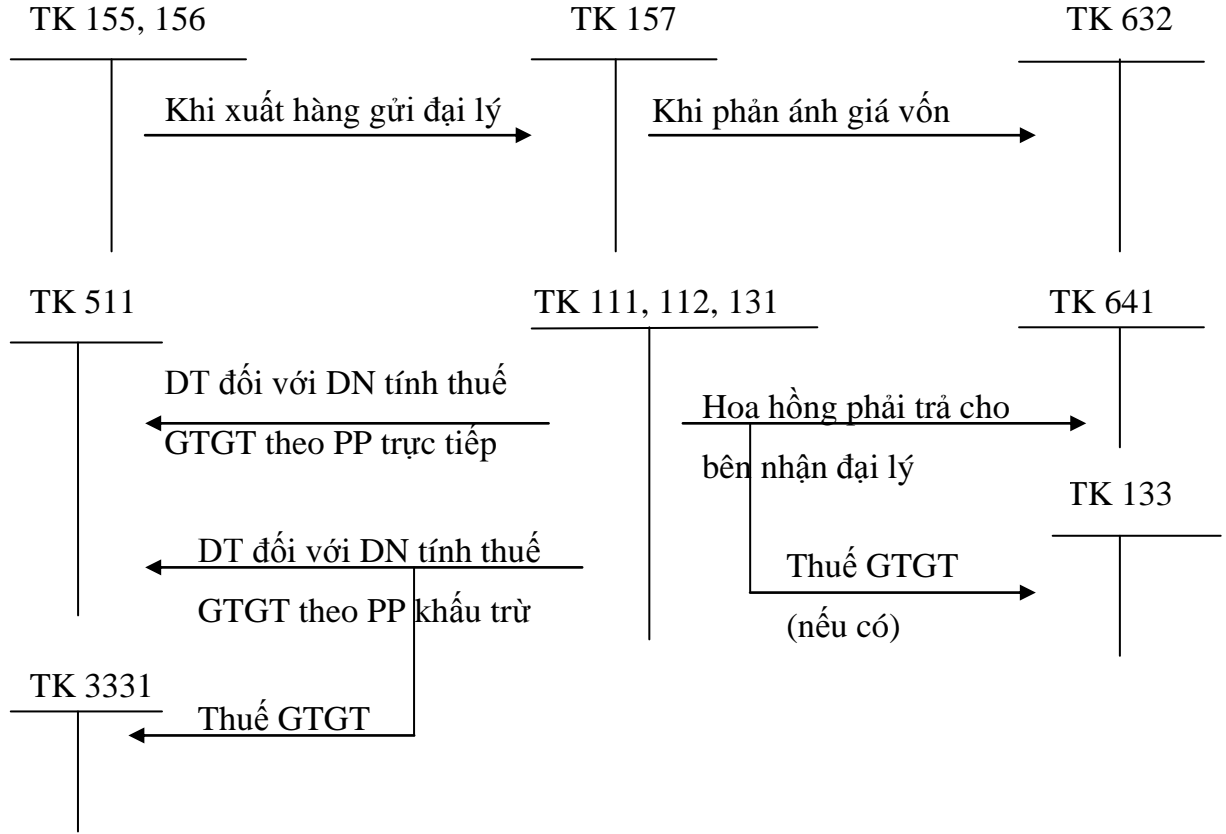
Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp sẽ giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho bên doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không bao gồm phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi là khoản chi phí và hạch toán vào tài khoản 641.

Đối với bên nhận đại lý: Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

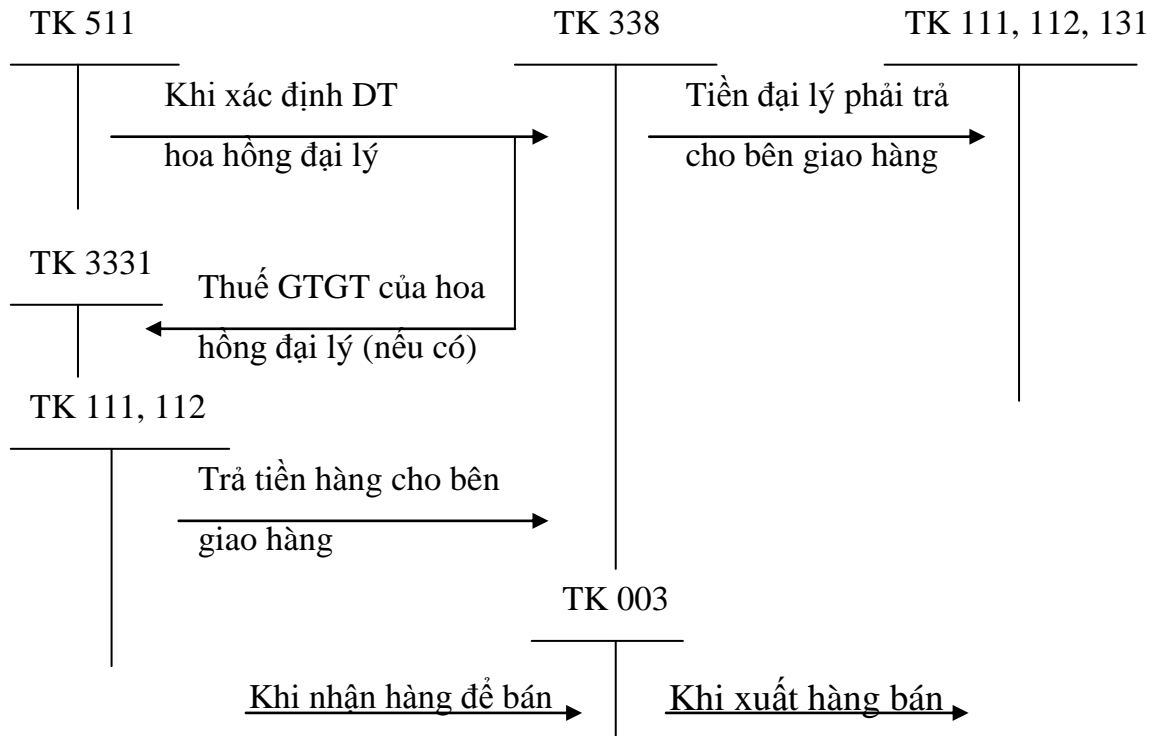
Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

Đối với bên giao đại lý



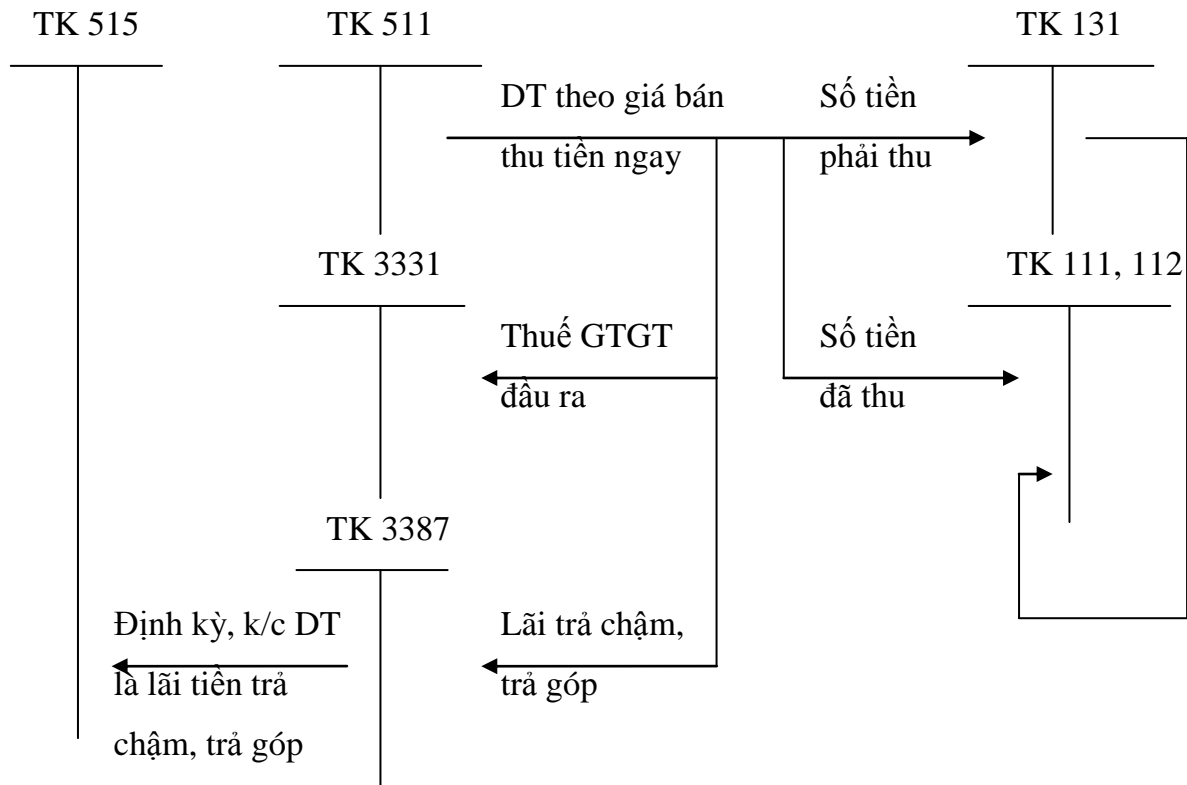
Đối với bên nhận đại lý



❖ Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

Là phương thức bán hàng trả tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

Sơ đồ 04: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



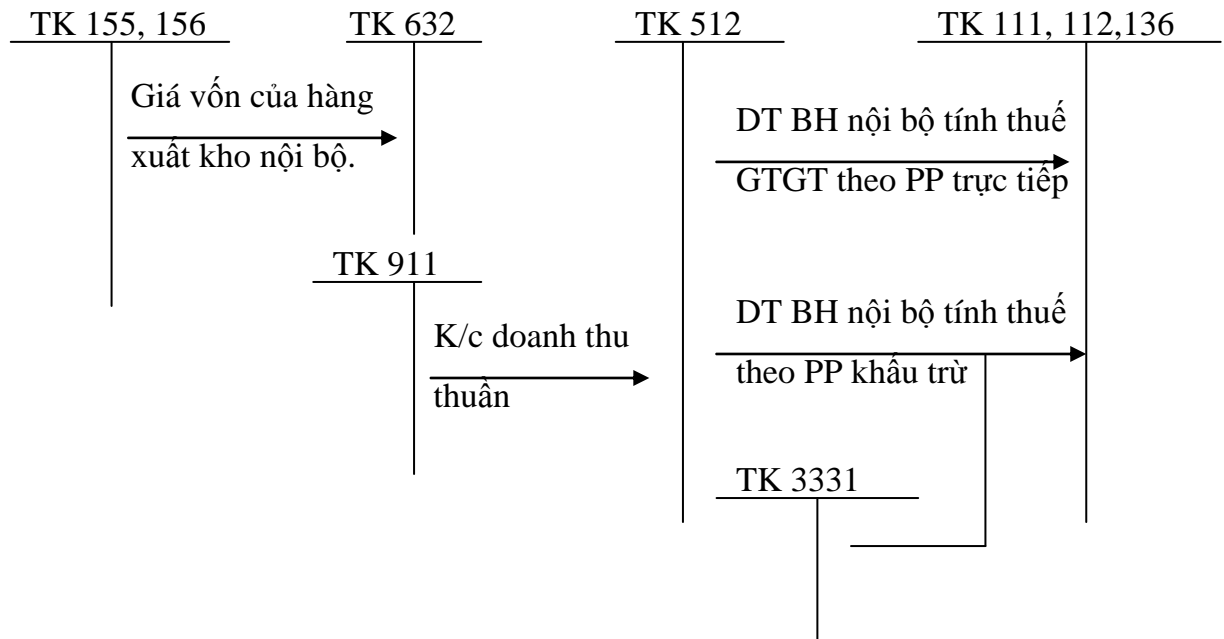
❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng kế toán ghi nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty,...

Sơ đồ 05: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ



1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.
- Các sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản 521.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 521		Có
<ul style="list-style-type: none"> • Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511, TK 512 để xác định DT thuần 		
Σ Số phát sinh bên Nợ			Σ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.

Kết cấu tài khoản 531

Nợ	TK 531		Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá hàng bán trả lại 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản hàng bán bị trả lại sang TK 511, TK 512 để xác định doanh thu thuần 		
Σ Số phát sinh bên Nợ			Σ Số phát sinh bên Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán.

Kết cấu tài khoản 532

Nợ	TK 532		Có
<ul style="list-style-type: none"> • Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển toàn bộ khoản giảm giá hàng bán sang TK 511, TK 512 để xác định doanh thu thuần 		
Σ Số phát sinh bên Nợ			Σ Số phát sinh bên Có

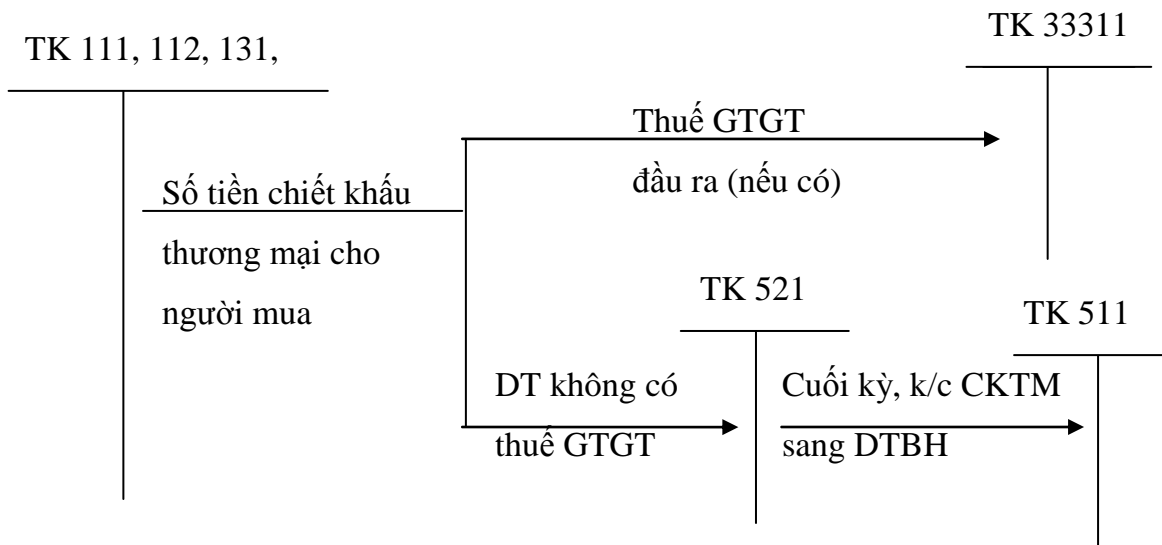
TK 532 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, bao gồm:

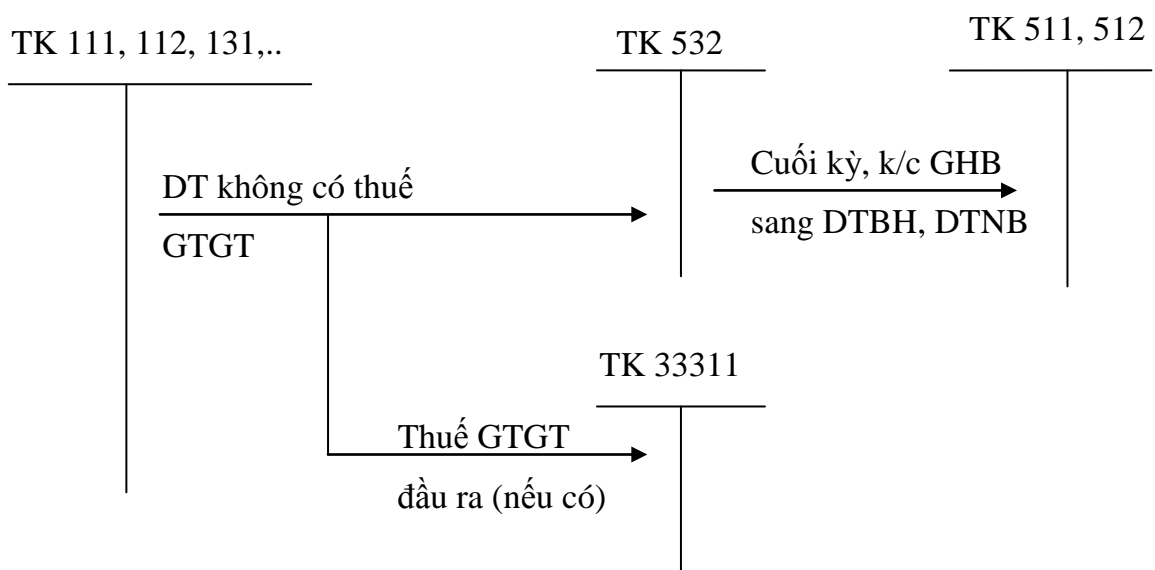
- TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333- Thuế xuất, nhập khẩu.

1.3.2.3. Quy trình hạch toán.

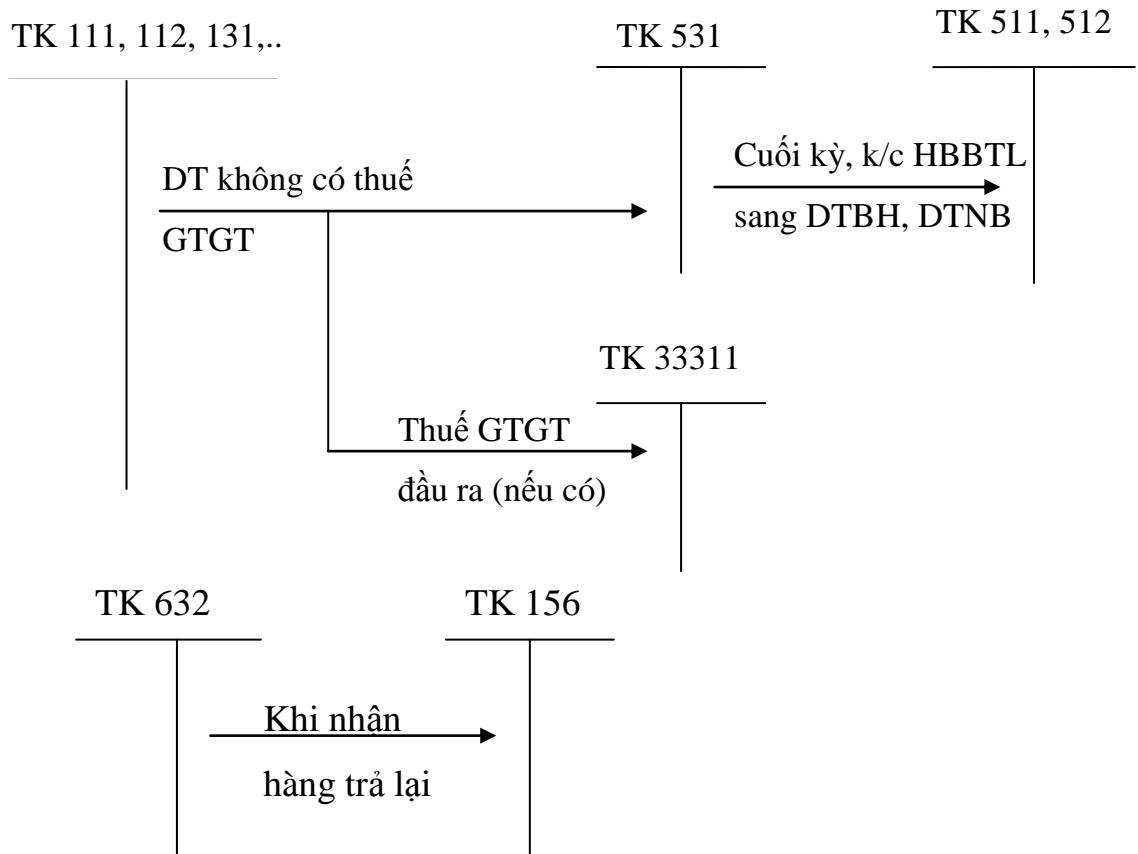
Sơ đồ 06: Kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 07: Kế toán giảm giá hàng bán.



Sơ đồ 08: Kế toán hàng bán bị trả lại.



1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn.

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho * Giá đơn vị xuất kho.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền có hai cách tính:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về sau sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập lần sau mới tính đến số hàng nhập lần ngay trước đó của từng loại hàng.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hoá của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hoá không nên áp dụng.

1.3.3.2. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán (nếu có)
- Sổ chi tiết và bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, hàng hoá.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 155- Thành phẩm.
- ❖ Tài khoản 156- Hàng hoá.
- ❖ Tài khoản 157- Hàng gửi đi bán.
- ❖ Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632

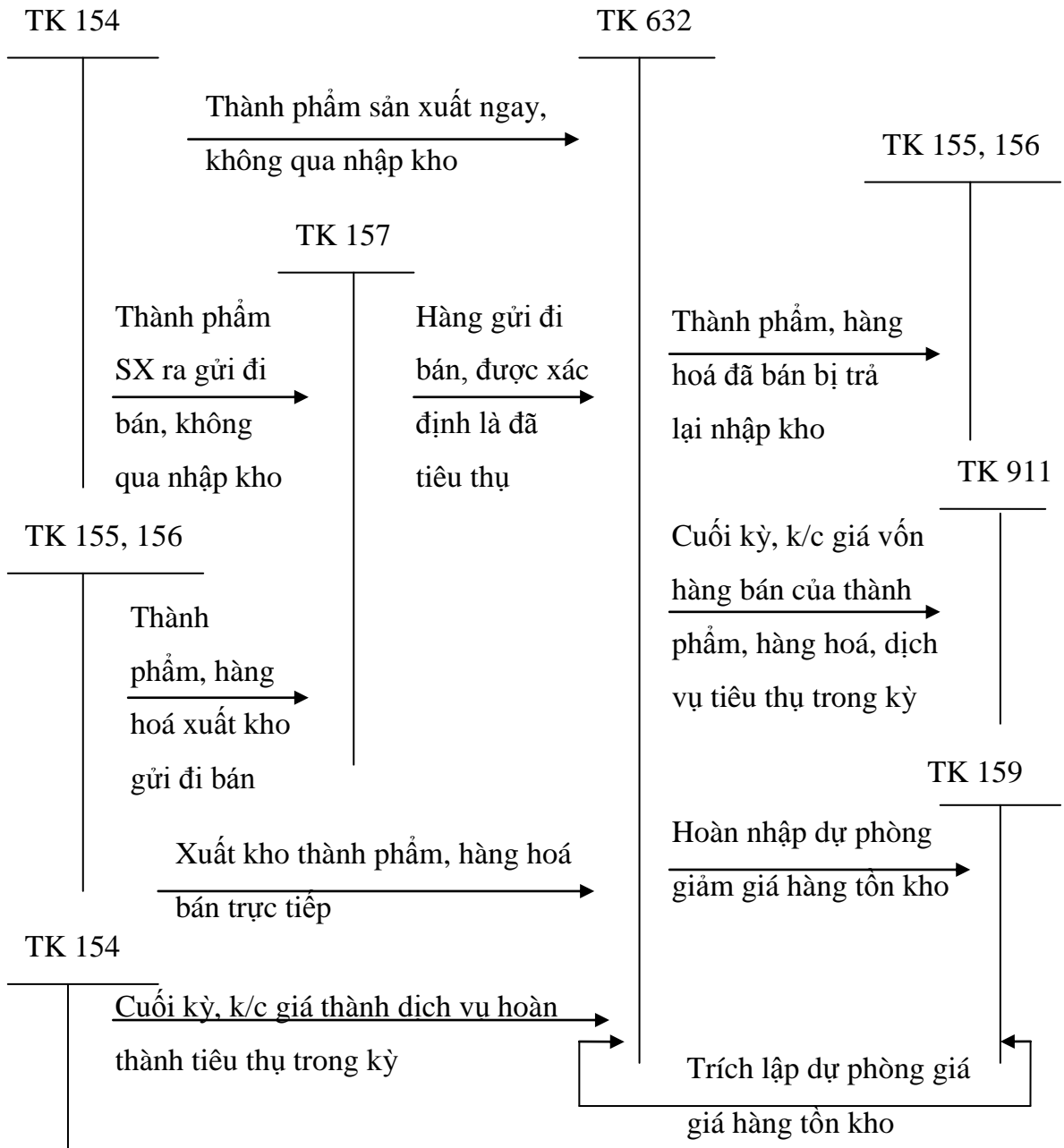
Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán bị trả lại • Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính • Kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

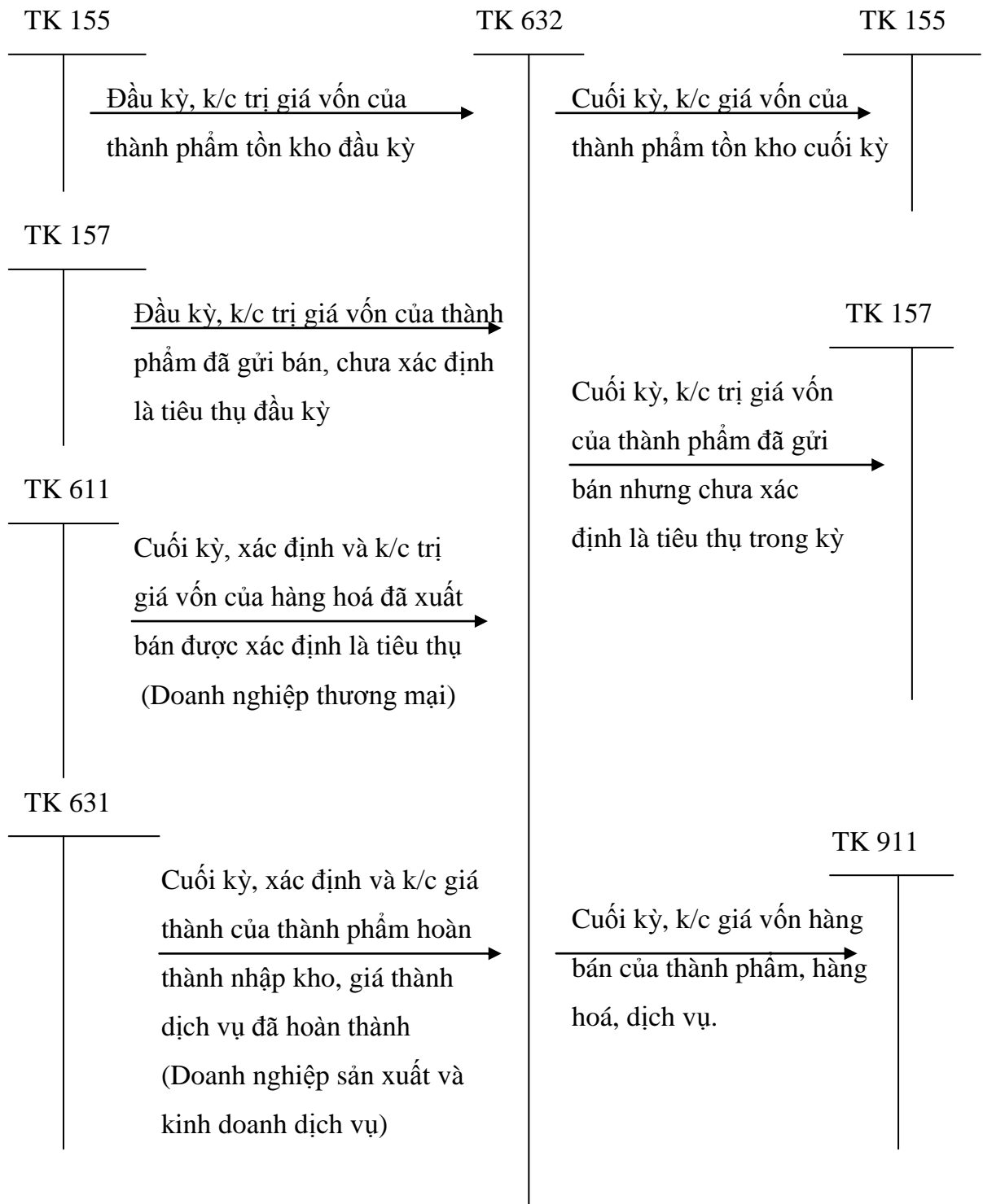
1.3.3.4. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 09: Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên.



❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.

1.3.4.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, bao gồm 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên.
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415 - Chi phí bảo hành.
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

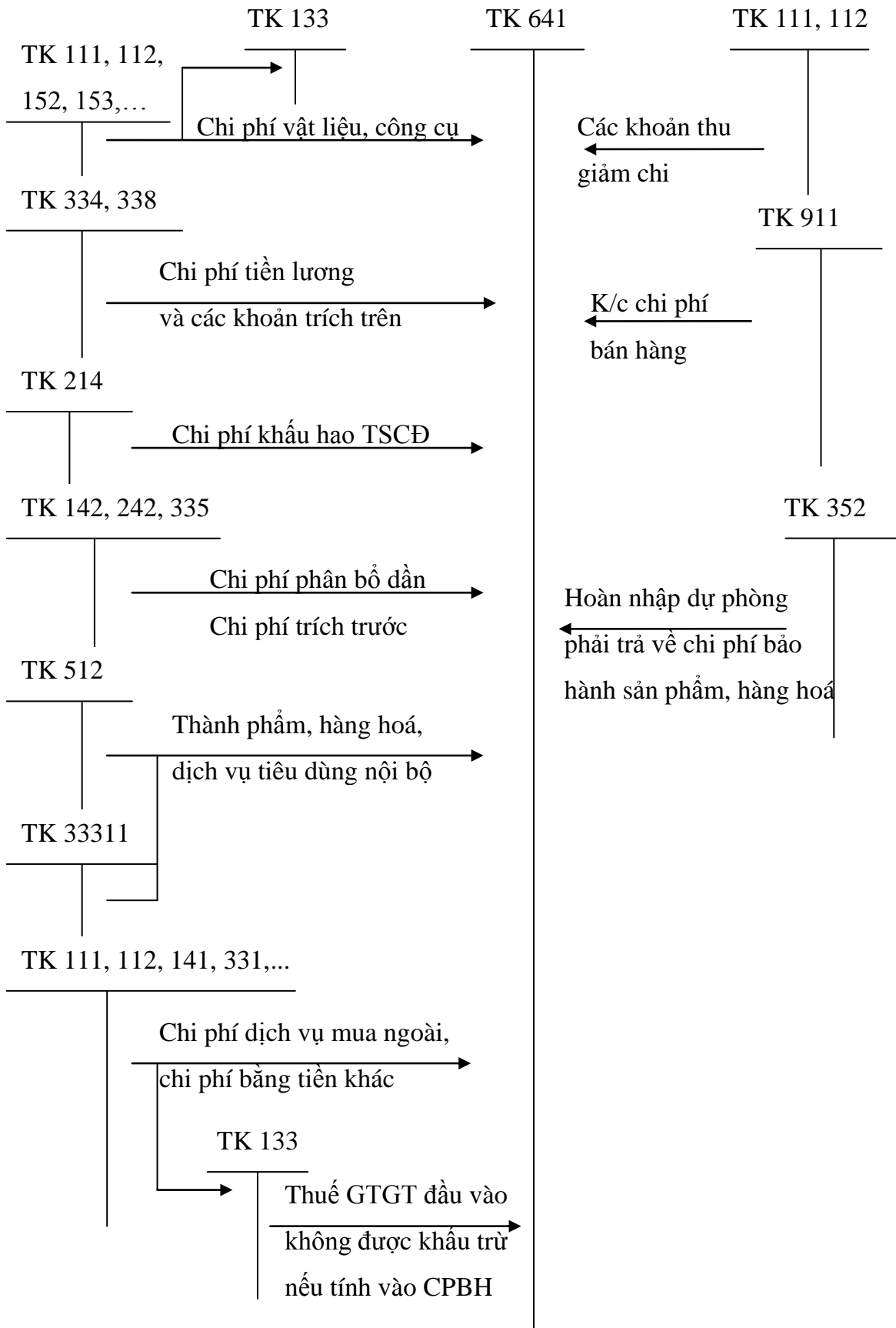
Kết cấu tài khoản 641

Nợ	TK 641	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 10: Kế toán chi phí bán hàng.



1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.3.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc liên quan.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421- Chi phí kinh doanh quản lý.
- TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425- Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426- Chi phí dự phòng.
- TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428- Chi phí bằng tiền khác.

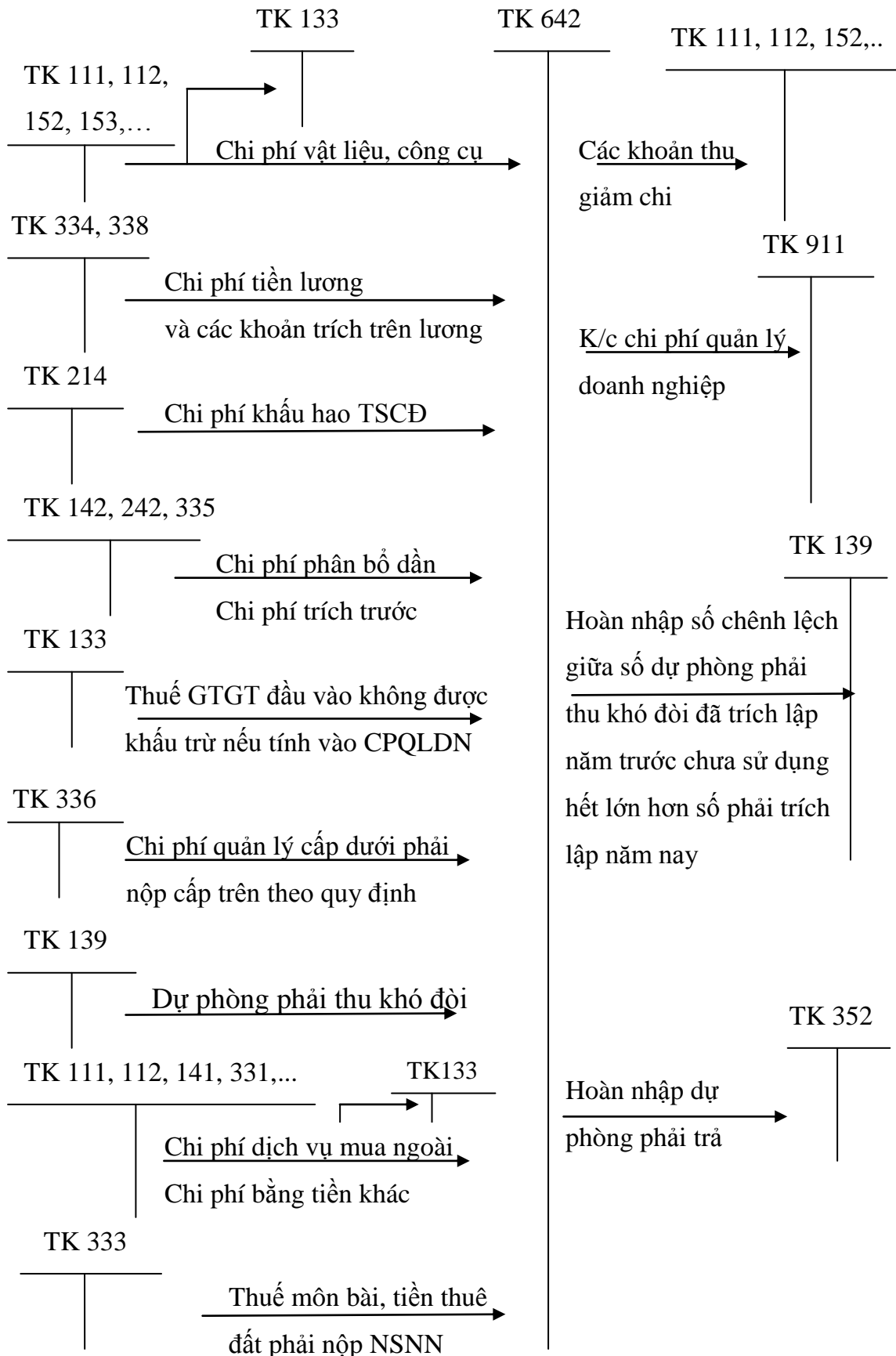
Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
• Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		• Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.3.6.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán.

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

- ❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

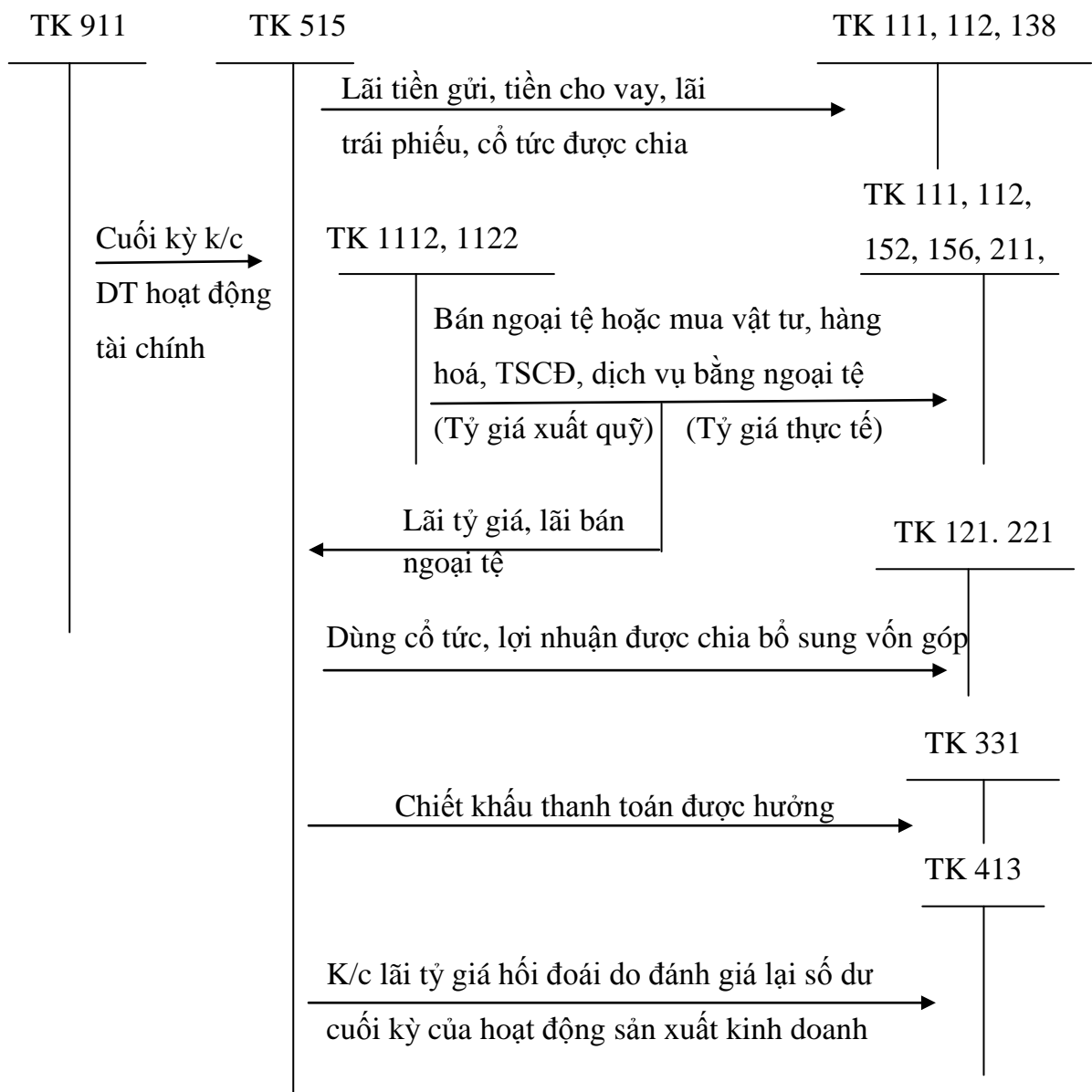
Kết cấu tài khoản 635.

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua. 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

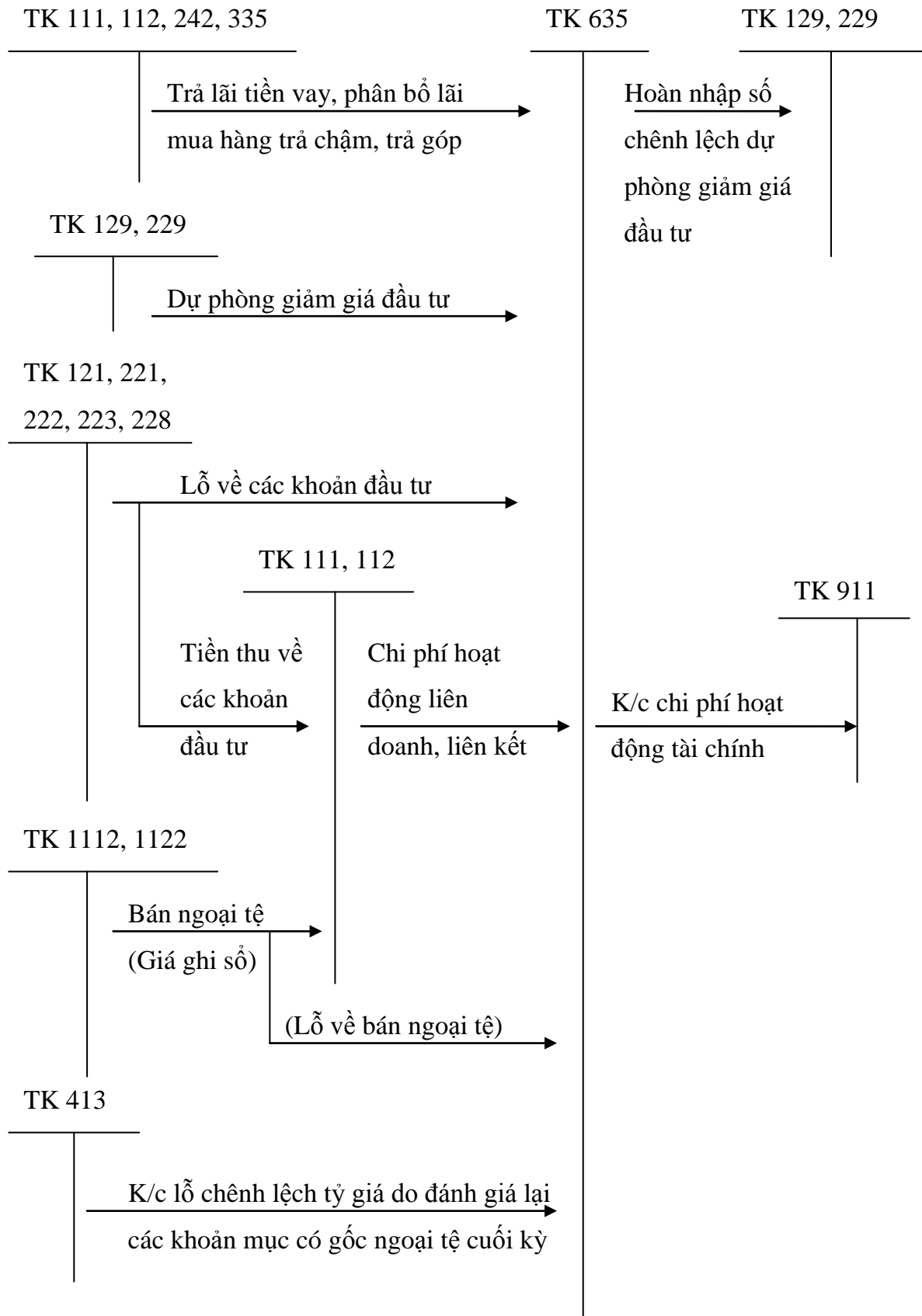
TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.6.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.



Sơ đồ 13: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.3.7.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo nợ, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác liên quan.
- Các sổ sách liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính

1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 711- Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 711.

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp. • Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

- ❖ Tài khoản 811- Chi phí khác

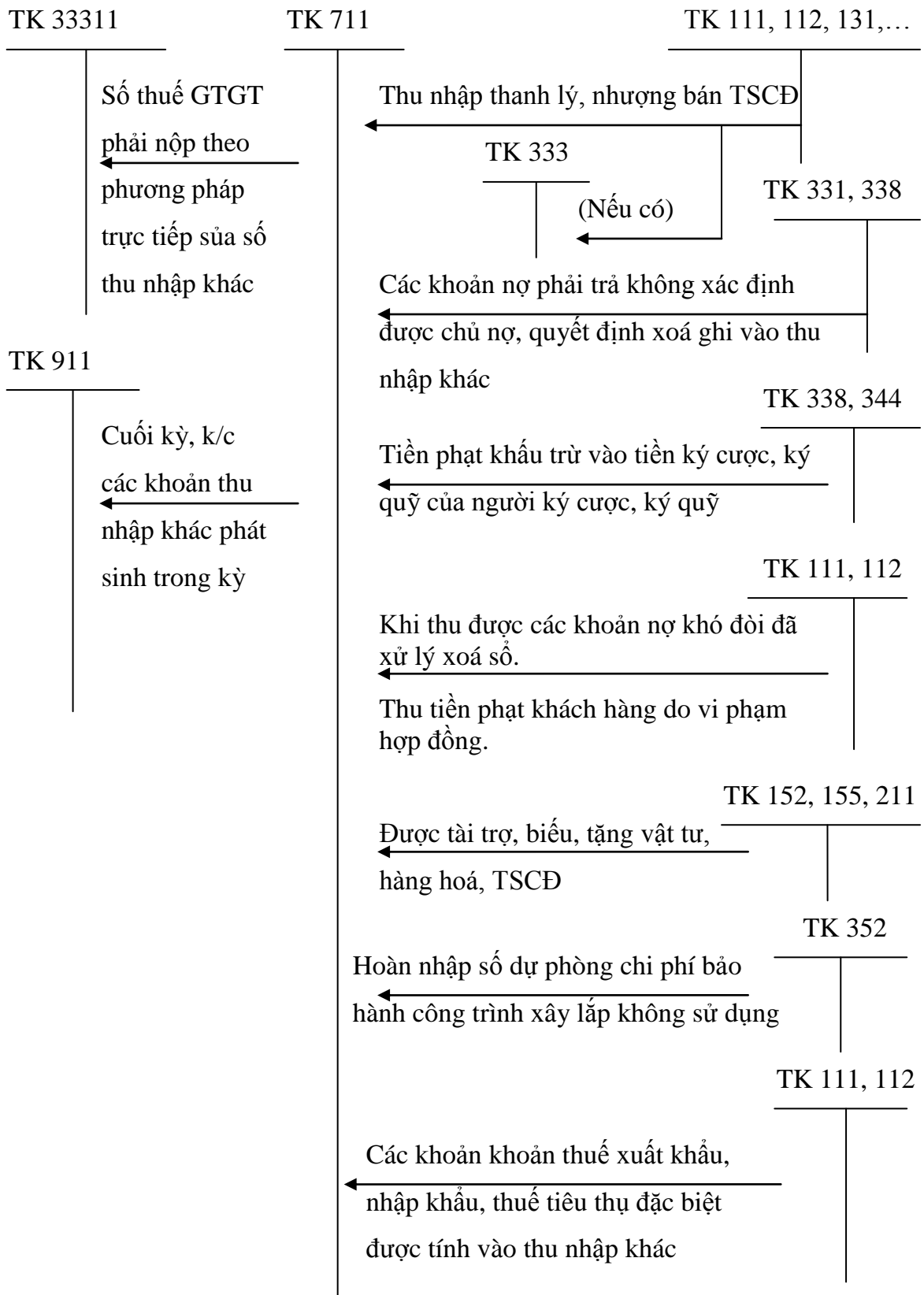
Kết cấu tài khoản 811.

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

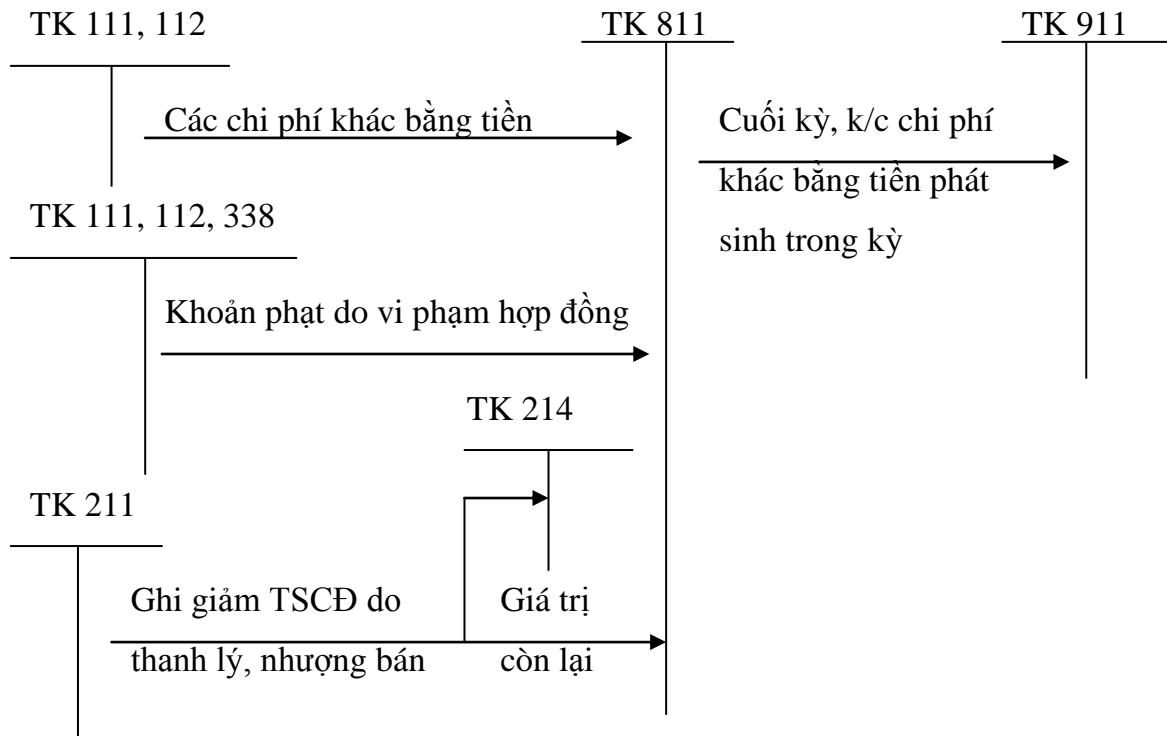
TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.7.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 14: Kế toán thu nhập khác.



Sơ đồ 15: Kế toán chi phí khác.



1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3.8.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu kế toán, các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.3.8.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911.

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác) • Kết chuyển lãi. • Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). • Kết chuyển lỗ. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ	Σ Số phát sinh bên Có	

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

- TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 421		Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. • Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp. • Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn. • Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. • Nộp lợi nhuận lên cấp trên. 		<ul style="list-style-type: none"> • Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. • Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. • Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có	

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý	Số lợi nhuận chưa phân phối
---------------------------------------	-----------------------------

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:

- TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Kết cấu tài khoản 821.

Nợ	TK 821		Có
<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. • Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. 		<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. • Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. • Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có	

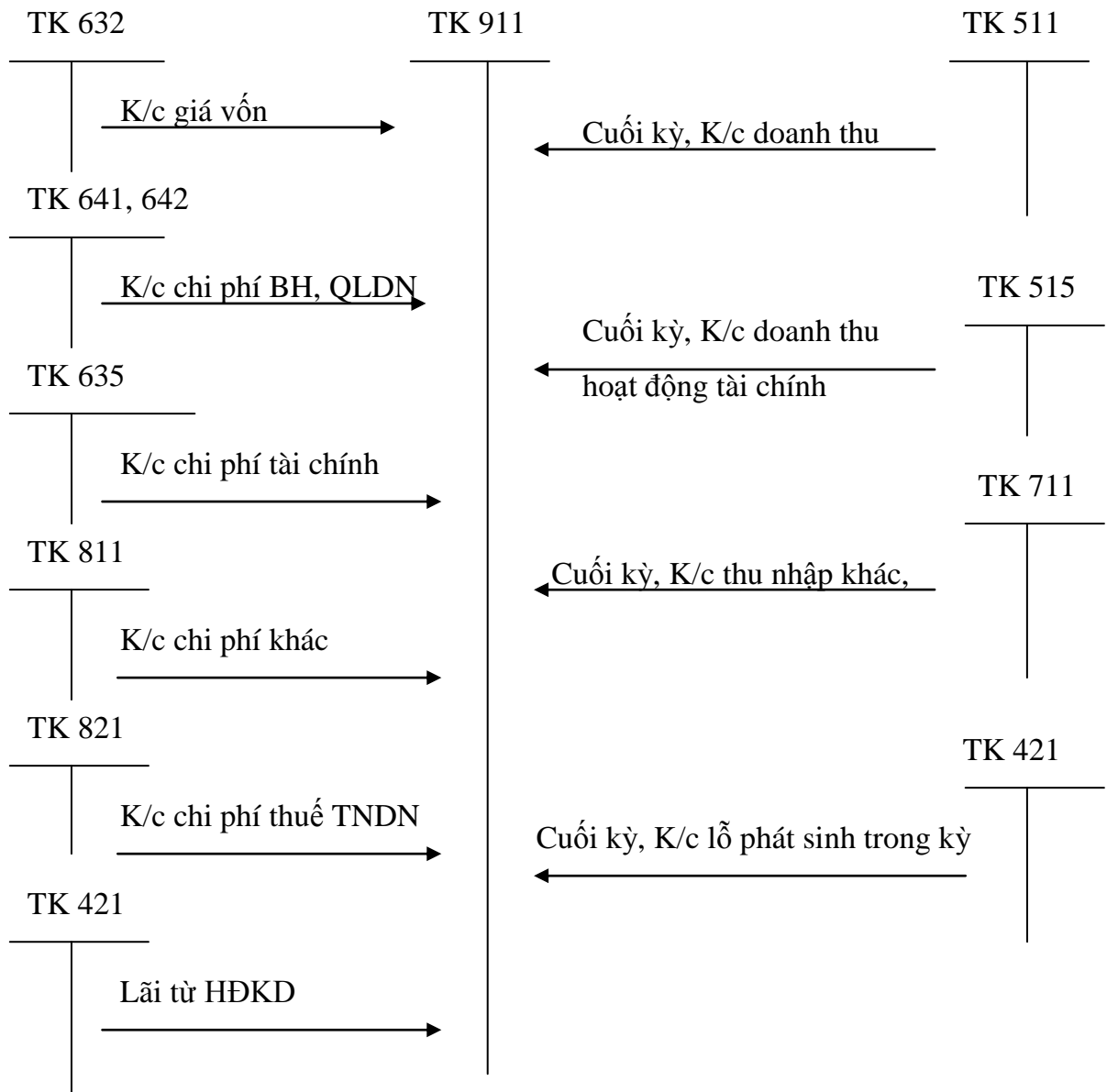
TK 821 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 3334- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

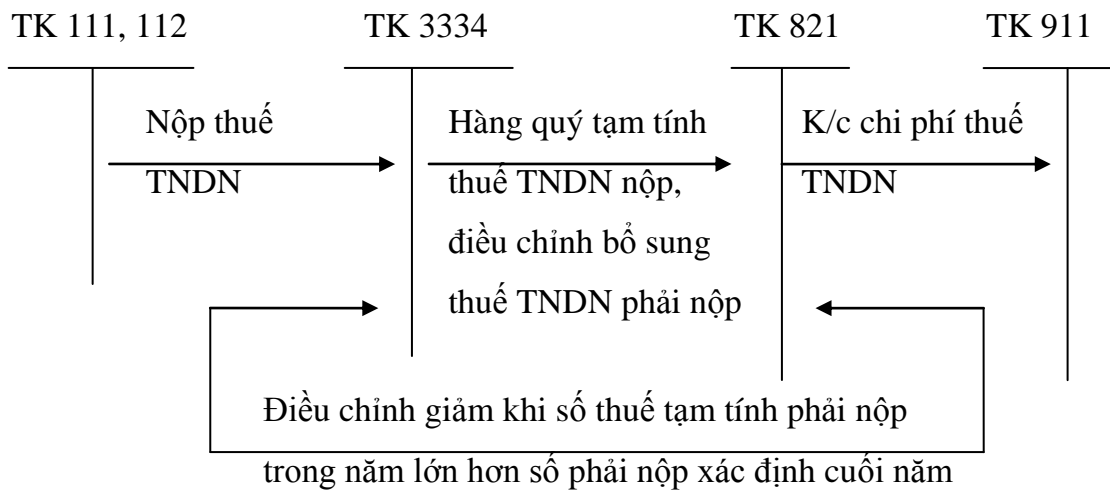
Doanh thu bán hàng	
-	
Giá vốn hàng bán	
=	
LN gộp (từ hoạt động bán hàng)	
+	
LN từ hoạt động tài chính	← Doanh thu TC – Chi phí TC
-	
Chi phí hoạt động kinh doanh	← Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí bán hàng
=	
LN từ hoạt động kinh doanh	
+/-	
Lãi/ lỗ từ hoạt động khác	← Thu nhập khác – chi phí khác
=	
LN kế toán trước thuế	
-	
Chi phí thuế TNDN	← LN TT * thuế suất 25%
=	
LN sau thuế	

1.3.8.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.



Sơ đồ 17: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.



1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

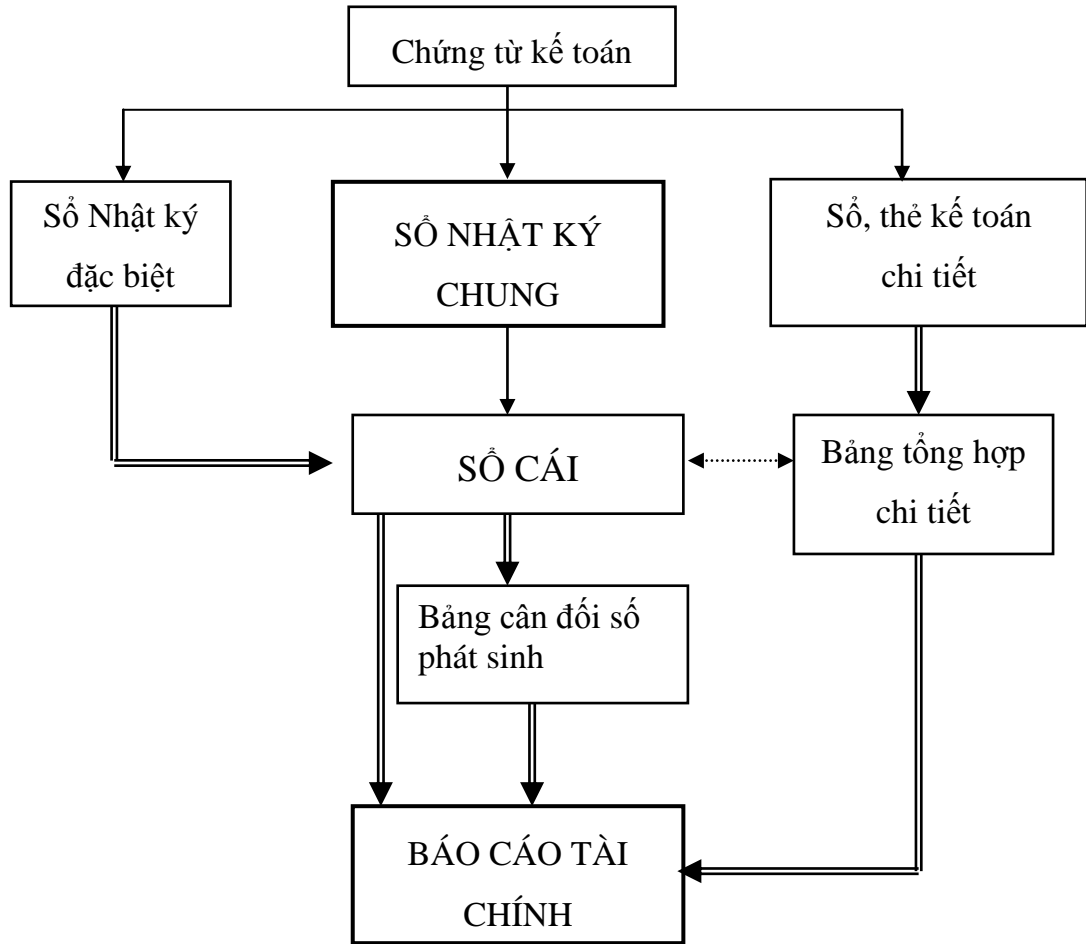
❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, sổ thẻ kế toán chi tiết,...

❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức chứng từ - ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

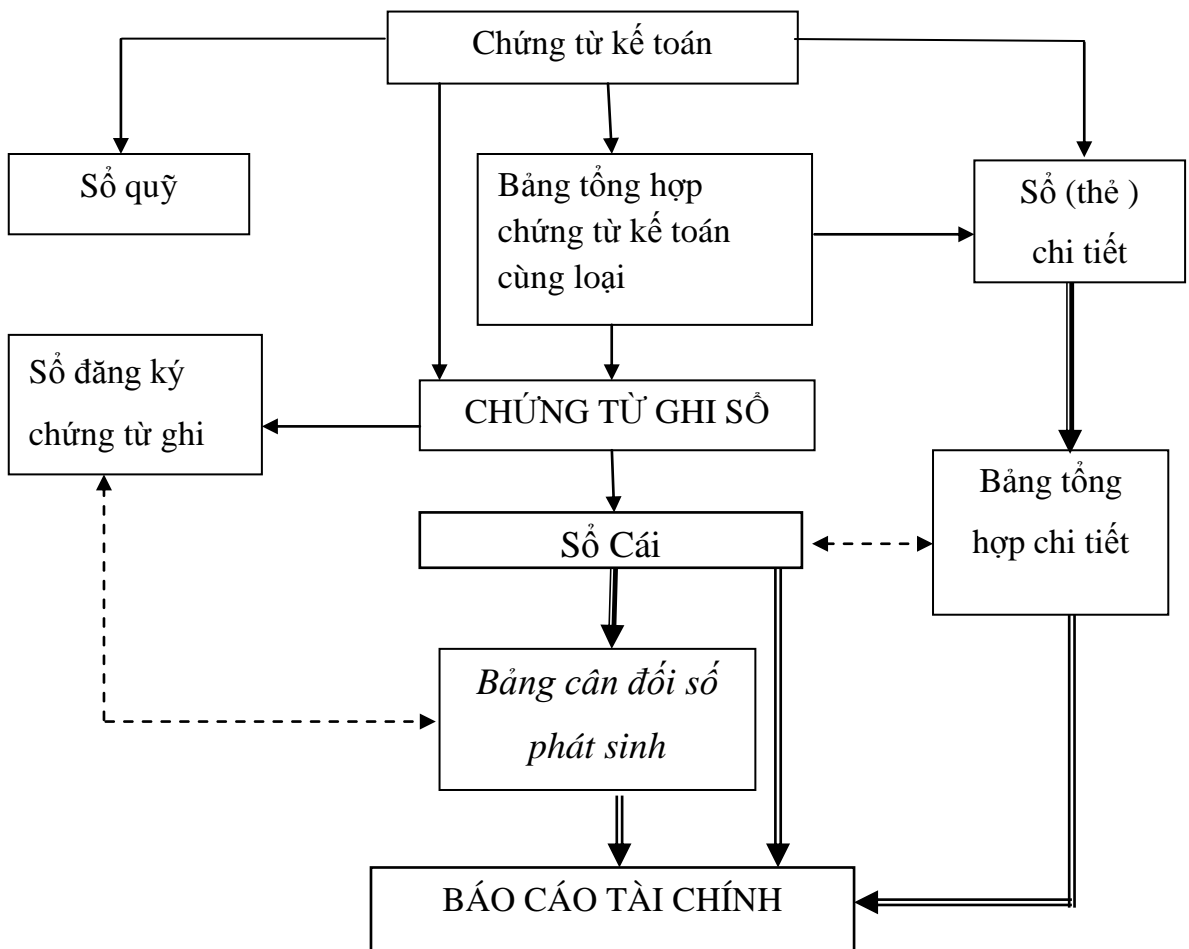
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- ❖ Các loại sổ: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; các Sổ, thẻ kế toán chi tiết. ...
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng Từ Ghi Sổ.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái

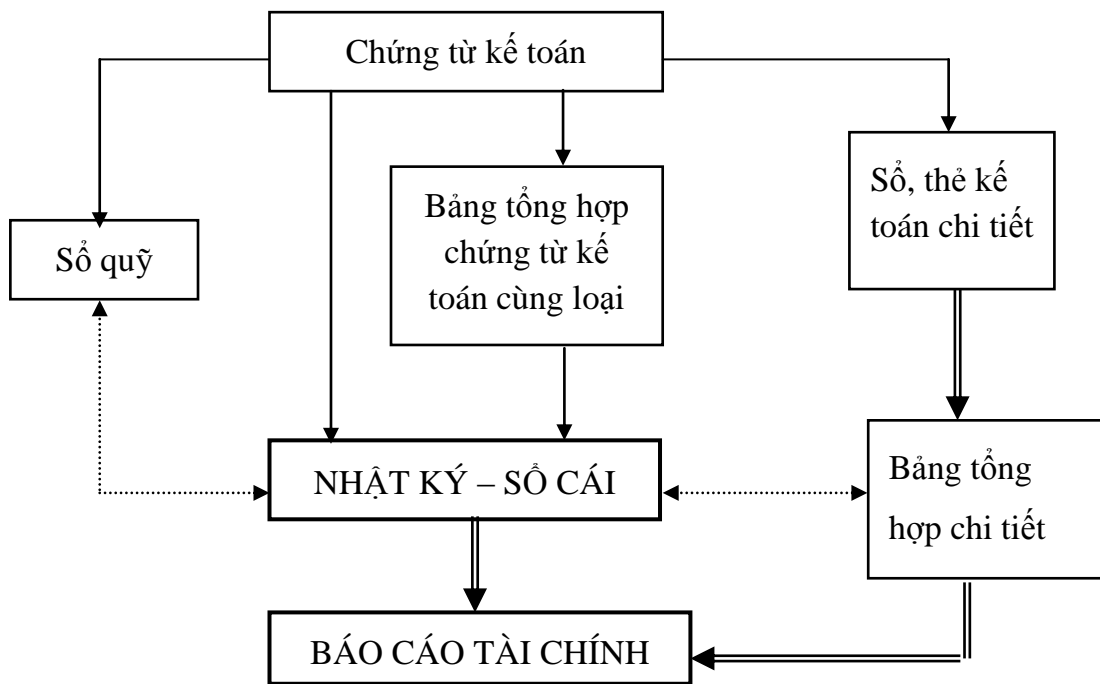
❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ Cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký- Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Nhật ký- Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký- Sổ Cái.



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

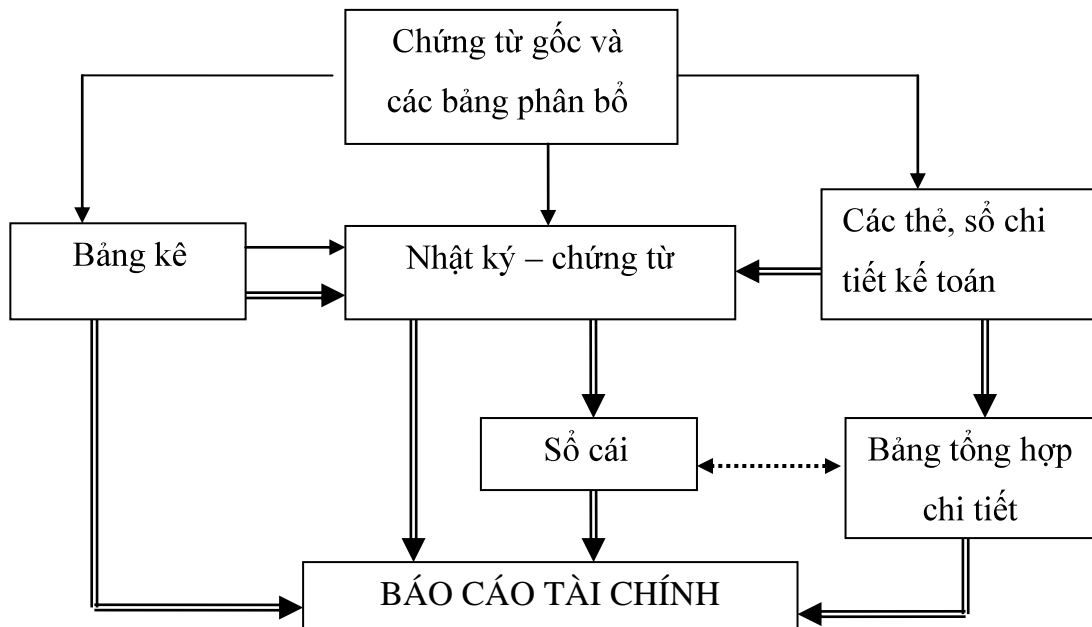
Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

❖ Các loại sổ sách sử dụng: Nhật ký - chứng từ; Bảng kê; Sổ Cái; Sổ, thẻ kế toán chi tiết...

❖ Trình tự ghi sổ.

Sơ đồ 21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký- Chứng Từ.



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.....>

1.4.4. Hình thức kế toán Máy vi tính.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính.

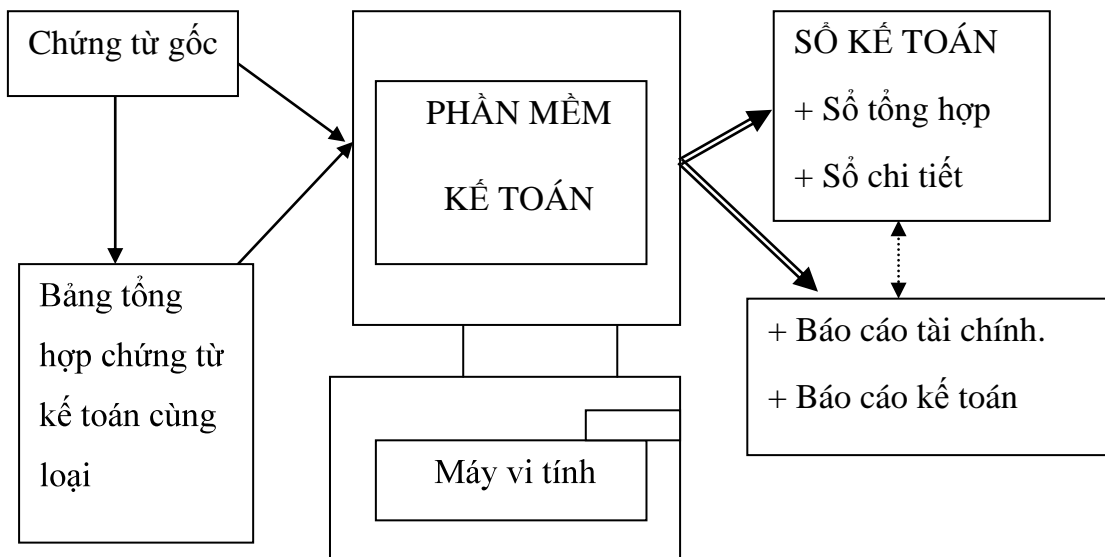
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Các loại sổ:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đấy nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ.

Sơ đồ 22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.



Ghi chú: Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
HOÀNG GIA.**

**2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY
TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.**

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia là Công ty TNHH một thành viên thành lập năm 2003.

- ❖ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật Hoàng Gia.
- ❖ Tên viết tắt: Hoang Gia Automation Co., ltd.
- ❖ Địa chỉ: 60 Nguyễn Văn Linh - Dư Hàng Kênh – Lê Chân – Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: 0313 500 285 Fax: 0313 513 792.
- ❖ Email: kinhdoanh.hoanggia@gmail.com
- ❖ Website: www.tudonghoahoanggia.com.
- ❖ Tài khoản giao dịch: 0031000133583
- ❖ Mã số thuế: 020 0655356

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tự động hoá, điện.

- ❖ Cung cấp các sản phẩm tự động hoá, điện.
- ❖ Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật.

Sản phẩm chính của công ty là biến tần INVT, ngoài ra vẫn cung cấp các mặt hàng khác khi có yêu cầu của khách hàng.

2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua.

Tuy công ty mới được thành lập chưa lâu, gặp nhiều khó khăn về vốn và thị trường nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt của Ban lãnh đạo công ty, nắm bắt được thời cơ, do đó công ty nhanh chóng thích nghi với thị trường, bước đầu có những kết quả nhất định. Trình độ quản lý ngày càng nâng cao, được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng doanh thu	4.184.916.241	4.559.519.988	5.005.177.811
2	Tổng chi phí	4.020.710.764	4.352.996.685	4.902.452.824
3	Tổng LNTT	164.205.477	206.523.303	102.724.987
4	Thuế TNDN	41.051.369	51.630.826	25.681.247
5	Tổng LNST	123.154.108	154.892.477	77.043.740

2.1.2.3. Thuận lợi và khó khăn.

❖ Thuận lợi.

- Quá trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, đã tạo điều kiện để ngành công nghiệp điện, tự động hoá phát triển.
- Nhà nước ta có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế.
- Nền kinh tế phát triển trong thời gian qua, nhiều doanh nghiệp, xí nghiệp mở rộng sản xuất, nhu cầu sử dụng sản phẩm của công ty tăng.
- Sự phát triển của khoa học công nghệ, kỹ thuật phát triển, chất lượng sản phẩm ngày một tăng lên.

❖ Khó khăn.

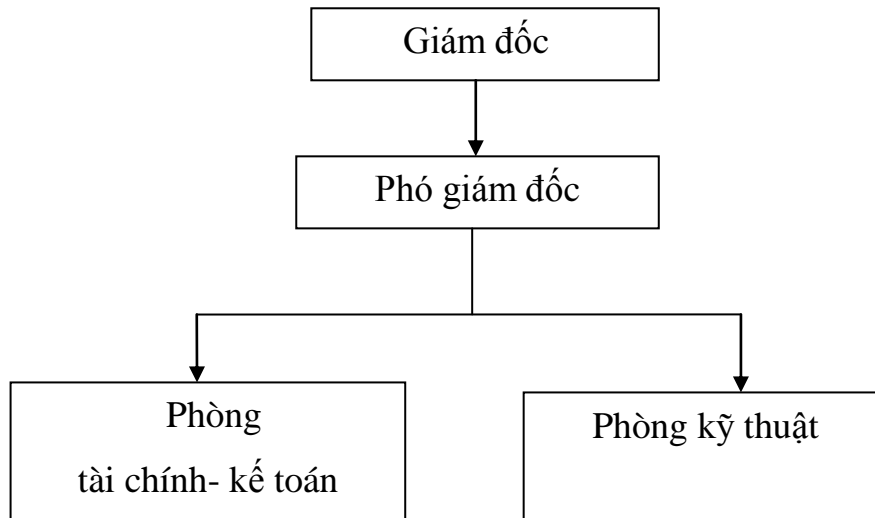
- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (năm 2008), một bộ phận không nhỏ những doanh nghiệp, xí nghiệp nhỏ và vừa phải thu hẹp quy mô sản

xuất, hay giải thể phá sản làm mất đi một nhóm khách hàng hiện tại và tiềm năng của doanh nghiệp.

- Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành.

2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

Sơ đồ 23: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.



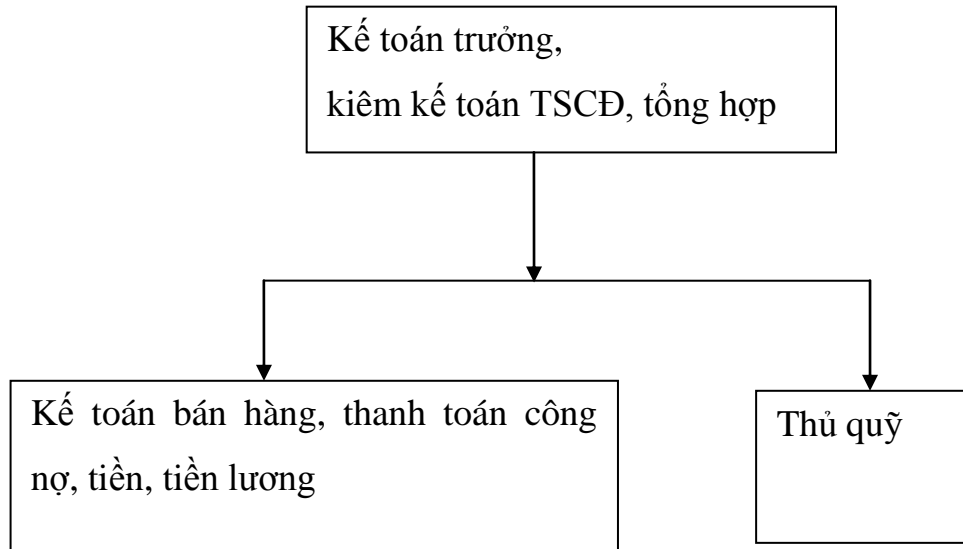
Công ty thực hiện chế độ quản lý theo chế độ một thủ trưởng.

- ❖ Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền lãnh đạo cao nhất, trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty, là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.
- ❖ Phó Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm giải quyết các công việc phát sinh ở công ty khi Giám đốc vắng mặt; và là người chịu trách nhiệm chính về vấn đề kỹ thuật.
- ❖ Phòng kế toán – tài chính: Gồm có một kế toán trưởng, một kế toán viên và một thủ quỹ. Công việc của các nhân viên phòng kế toán sẽ được trình bày cụ thể ở phần mô hình tổ chức kế toán của công ty.
- ❖ Phòng kỹ thuật: Gồm các kỹ thuật viên của công ty, chuyên trách việc thực hiện các nhiệm vụ lắp đặt, tư vấn, sửa chữa cho các sản phẩm do công ty cung cấp.

2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.

a, Mô hình tổ chức kế toán.

Sơ đồ 24: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



Theo mô hình trên, chức năng và nhiệm vụ của từng người như sau:

- ❖ Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm trước ban giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp; đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định.
- ❖ Kế toán bán hàng, theo dõi công nợ: Là người theo dõi chi tiết các nghiệp vụ xuất, nhập và tồn kho hàng hoá, tình hình tiêu thụ và xác định chi phí. Cuối tháng, cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập, xuất và tồn kho hàng hoá.

Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay và tiền lương, theo dõi các khoản công nợ với khách hàng và nhà cung cấp.

- ❖ Thủ quỹ do phó giám đốc kiêm nhiệm, là người chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản quỹ tiền mặt; xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, chi đã được phê duyệt.

b, Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.

- ❖ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia tổ chức kế toán theo mô hình kế toán tập trung, mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán tạo điều kiện kiểm tra chỉ đạo các nghiệp vụ và đảm bảo sự kiểm soát tập trung, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo của Ban giám đốc.
- ❖ Chế độ kế toán áp dụng: Theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006.
- ❖ Niên độ kế toán áp dụng: Từ 01/01 đến 31/12
- ❖ Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- ❖ Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- ❖ Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- ❖ Đơn vị tiền tệ hạch toán là Việt Nam đồng.
- ❖ Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI TNHH TM VÀ DVKT HOÀNG GIA.

2.2.1. Kế toán bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thoả thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Mặt hàng kinh doanh của công ty là các loại máy biến tần và các thiết bị điện tự động khác. Doanh thu của công ty được cấu thành từ doanh thu bán hàng là các loại máy biến tần, các thiết bị điện tự động khác và doanh thu từ cung cấp dịch vụ sửa chữa cho khách hàng.

Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng:

- ❖ Phương thức bán hàng trực tiếp: Khách hàng có thể đến công ty bán hàng trực tiếp hoặc có thể thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thoả thuận.
- ❖ Phương thức bán hàng theo phương thức trả chậm: Khách hàng đến công ty mua hàng, hàng sẽ được chuyển đến nơi khách yêu cầu, và tiền hàng sẽ được trả trong một khoảng thời gian ngắn nhất định, do hai bên thoả thuận.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT). Hoá đơn GTGT bao gồm 3 liên:
 - Liên 1: Lưu tại quyền. (Màu tím)
 - Liên 2: Giao cho người nộp tiền. (Màu đỏ)
 - Liên 3: Luân chuyển nội bộ để ghi sổ kế toán. (Màu xanh)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác.

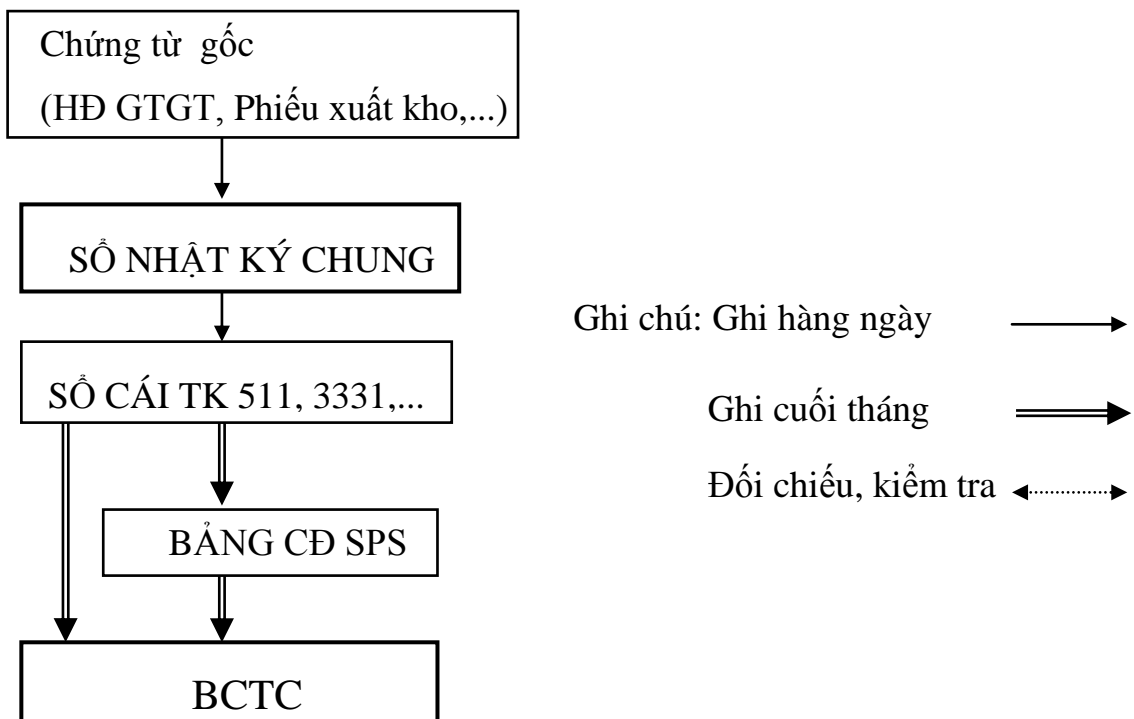
2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ Để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Kế toán sử dụng các tài khoản:
 - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- TK 111, 112: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.
- TK 131: Phải thu khách hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.
- ❖ Sổ sách sử dụng
 - Sổ chi tiết bán hàng.
 - Bảng kê bán hàng.
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ Cái TK 511, 632
 - Bảng cân đối số phát sinh
- ❖ Hệ thống Báo cáo tài chính
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 25: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Hàng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhân viên bán hàng trực tiếp lập các chứng từ. Nhân viên bán hàng lập hoá đơn GTGT, Phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho được chuyển cho Thủ kho làm căn cứ xuất hàng giao cho khách, đồng thời ghi Thẻ kho để theo dõi số lượng hàng nhập, xuất, tồn tại Công ty.

Cuối ngày, Nhân viên bán hàng chuyển toàn bộ hoá đơn GTGT và số tiền hàng thu được cho Thủ quỹ làm căn cứ ghi sổ quỹ và nhập quỹ tiền mặt. Sau đó, Thủ quỹ sẽ chuyển trả toàn bộ hoá đơn GTGT cho Kế toán. Kế toán tập hợp toàn bộ hoá đơn GTGT bán hàng, hoặc Hợp đồng mua bán... làm căn cứ ghi Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, Kế toán ghi Sổ Cái các tài khoản 511, 632, ... Cuối kỳ Kế toán tiến hành tổng hợp số liệu trên Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Ví dụ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ví dụ 2.1: Ngày 10/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho Công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0001318.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, Nhân viên bán hàng lập Phiếu xuất kho và hoá đơn GTGT số 0001318.

Sau đó, nhân viên bán hàng chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt; đem Phiếu xuất kho đến cho Thủ kho làm thủ tục xuất hàng, ký nhận.

Sau khi khách hàng nhận hàng và thanh toán tiền, Nhân viên bán hàng giao cho khách hoá đơn GTGT liên 2, liên 1 lưu tại quyển, liên 3 sử dụng để ghi Sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 08), kế toán ghi Sổ Cái TK 511 (Biểu số 09).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biển tần cho Công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đồng (giá chưa thuế GTGT 10%); trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000 đồng. HĐ số 0001323.

Nhân viên bán hàng lập Phiếu xuất kho và hoá đơn GTGT số 0001323

Sau đó, nhân viên bán hàng chuyển cho Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt; đem Phiếu xuất kho đến cho Thủ kho làm thủ tục xuất hàng, ký nhận.

Sau khi khách hàng nhận hàng, Nhân viên bán hàng giao cho khách hàng hoá đơn GTGT liên 2, liên 1 lưu tại quyển, liên 3 dùng để ghi Sổ Nhật ký chung, và sổ chi tiết phải thu khách hàng.

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 08), kế toán ghi Sổ Cái TK 511 (Biểu số 09).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

Biểu số 1: Phiếu xuất kho số 07/12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số 02-VT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC			
PHIẾU XUẤT KHO				Nợ	632		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 07/12							
Họ và tên người nhận hàng				Phạm Thị Nga		Bộ phận: KTBH	
Lý do xuất kho:				Xuất bán			
Xuất tại kho:				Địa điểm:		Văn phòng công ty	
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biển tần INVT CHV 180	INVT CHV 180	cái	1	1	12.757.576	12.757.576
	Cộng			1	1	12.757.576	12.757.576
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Mười hai triệu bảy trăm lăm mươi bảy nghìn, lăm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001318			
				Ngày 10 tháng 12 năm 2012			
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

Biểu số 2: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0001318 .

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT/3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P
Liên 3: Nội bộ		Số: 0001318
Ngày 10 tháng 12 năm 2012		
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH TM& DV HOÀNG GIA	
Địa chỉ:	60- NVL – LC – HP	
Số tài khoản:	MST : 0200655356	
Điện thoại:	MS	
Họ tên người mua:	Nguyễn Tuyết Mai	
Tên đơn vị:	Công ty TNHH TM Phúc Lợi	
Địa chỉ:	Hải Phòng	
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán: TM	MS	020038596

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Biển tần INVT CHV 180	Chiếc	1	15.909.091	15.909.091
Cộng tiền hàng					15.909.091
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.590.909
Tổng tiền thanh toán					17.500.000
Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm nghìn					
Người mua hàng Nguyễn Tuyết Mai		Người bán hàng Phạm Thị Nga		Thủ trưởng đơn vị Vũ Xuân Phúc	

Biểu số 3: Phiếu thu số 05/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số 01-TT		
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC		
PHIẾU THU		Quyển số:		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012		Số:	PT 05/12	
		Nợ:	111	
		Có:	511, 3331	
Họ tên người nộp tiền:		Phạm Thị Nga		
Địa chỉ:		nhân viên công ty		
Lý do nộp:		Thu tiền bán hàng theo hoá đơn số 0001318		
Số tiền:	17.500.000 (viết bằng chữ)	Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn		
Kèm theo:		chứng từ gốc		
		Ngày 10 tháng 12 năm 2012		
Giám đốc	KT trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
Vũ Xuân Phúc	Trần Thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

Biểu số 4: Phiếu xuất kho số 13/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số 02-VT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO				Nợ	632		
Ngày 15 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 13/12							
Họ và tên người nhận hàng				Phạm Thị Nga		Bộ phận: KTBH	
Lý do xuất kho:				Xuất bán			
Xuất tại kho:				Địa điểm:		Văn phòng công ty	
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	LCD keypad	LCD keypad	Chiếc	1	1	350.000	350.000
Cộng				1	1	350.000	350.000
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001323			
Ngày 15 tháng 12 năm 2012							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

Biểu số 5: Hoá đơn GTGT số 0001323

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT/3LL	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/12P	
Liên 3: Nội bộ		Số: 0001323	
Ngày 15 tháng 12 năm 2012			
Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY TNHH TM& DV HOÀNG GIA		
Địa chỉ:	60- NVL – LC – HP		
Số tài khoản:	MST: 0200655356		
Điện thoại:	MS		
Họ tên người mua:	Trần Minh		
Tên đơn vị:	Công ty TNHH SX và TM Việt Long		
Địa chỉ:	Hải Phòng		
Số tài khoản:			
Hình thức thanh toán: TM	MS 0201202937		

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	LCD keypad	Chiếc	1	650.000	650.000
2	Chi phí dịch vụ sửa chữa			500.000	500.000
Cộng tiền hàng					1.150.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		115.000
Tổng tiền thanh toán					1.265.000
Số tiền bằng chữ: Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng Trần Minh		Người bán hàng Phạm Thị Nga		Thủ trưởng đơn vị Vũ Xuân Phúc	

Biểu số 6: Phiếu thu số 08/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA	Mẫu số 01-TT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
PHIẾU THU				
Ngày 15 tháng 12 năm 2012	Quyển số: Số: PT 08/12 Nợ: 111 Có: 511, 3331			
Họ tên người nộp tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	nhân viên công ty			
Lý do nộp:	Thu tiền bán hàng theo hoá đơn số 0001323			
Số tiền: 1.265.000 (viết bằng chữ)	Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn			
Kèm theo:	chứng từ gốc			
Ngày 15 tháng 12 năm 2012				
Giám đốc	KT trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
Vũ Xuân Phúc	Trần Thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn.		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

Biểu số 7: Trích Bảng kê bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP BẢNG KÊ BÁN HÀNG Năm 2012							
STT	HD, CT		Khách hàng	Mã SP	DT chưa thuế GTGT	Thuế suất	Thuế GTGT
	SH	NT					
...
	HD 0001318	10/12	CT TNHH Phúc Lợi	INVT CHV 180	15.909.091	10%	1.590.909
...
	HD 0001321	12/12	CT TNHH Minh Khôi	INVT CHV 180	15.909.091	10 %	1.590.909
...
	HD 0001323	15/12	CT TNHH SX và TM Việt Long	LCD keypad	650.000	10%	65.000

			Cộng		5.003.176.659		500.317.666
Người ghi số Phạm Thị Nga					Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Kế toán trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 8: Trích Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA Mẫu số S03a- DN Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012 ĐVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			<u>SỔ TRANG</u> <u>TRƯỚC CHUYỂN</u> <u>SANG</u>					
...
5/12	HD 0001313	5/12	Bán hàng, thu bằng chuyển khoản	√		112	25.000.000	
				√		511		22.727.273
				√		333		2.272.727
...
10/12	HD 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt	√		111	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	√
12/12	HD 0001321	12/12	Bán hàng, chưa thu tiền	√		131	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	√
15/12	HD 0001323	15/12	Thay thế linh kiện cho CT TNHH SX và TM Việt Long	√		111	1.265.000	
				√		511		1.150.000
				√		333		115.000
...
			Cộng chuyển sang trang				30.584.367.389	30.584.367.389

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ Phạm Thị Nga	KT trưởng Trần Thị Hậu	Giám đốc Vũ Xuân Phúc
-------------------------------------	----------------------------------	---------------------------------

Biểu số 9: Trích Sổ Cái tài khoản 511.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số S03b- DN						
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)						
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK:		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu:		511						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>					
...
5/12	HĐ 0001313	5/12	Bán hàng thu bằng CK			112		22.727.273
...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt			111		15.909.091
...
12/12	HĐ 0001321	12/12	Bán hàng chưa thu tiền			131		15.909.091
...
15/12	HĐ 0001323	15/12	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ			111		1.150.000
...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c doanh thu			911	5.003.176.659	
			Cộng SPS				5.003.176.659	5.003.176.659
			<u>SDCK</u>					
Người ghi sổ						KT trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phạm Thị Nga						Trần Thị Hậu		Giám đốc
								Vũ Xuân Phúc

Biểu số 10: Trích Sổ Cái tài khoản 111.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA						Mẫu số: 03b- DN		
Đại chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- DHK- LC- HP						(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm 2012								
Tên TK			Tiền mặt tại quỹ					
Số hiệu			111					
ĐVT						Đồng		
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Đòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>				<u>865.921.702</u>	
10/12	PT 07/12	10/12	BH thu TM			511	15.909.091	
						3331	1.590.909	
...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán CP vận chuyển			642		210.000
						133		21.000
...
15/12	PT 08/12	15/12	BH và CCDV thu TM			511	1.150.000	
						333	150.000	
...
21/12	PC 13/12	21/12	Chi thanh toán tiền điện thoại			642		267.800
						133		26.780
...
			Cộng SPS				997.081.254	1.626.372.502
			<u>SDCK</u>				<u>236.630.454</u>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ			KT trưởng			Giám đốc		
Phạm Thị Nga			Trần Thị Hậu			Vũ Xuân Phúc		

Biểu số 11: Trích Sổ Cái tài khoản 3331.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số S03b- DN						
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC						
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK:		Thuế GTGT đầu ra						
Số hiệu:		3331						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					=
...
5/12	HĐ 0001313	5/12	Bán hàng thu bằng CK			112		2.272.727
...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt			111		1.590.909
...
12/12	HĐ 0001321	12/12	Bán hàng, chưa thu tiền			131		1.590.909
...
15/12	HĐ 0001323	15/12	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ			111		115.000
...
31/12	PKT 09/12	31/12	K/c thuế GTGT			133	500.317.666	
			Cộng SPS				500.317.666	500.317.666
			<u>SDCK</u>					=
Người ghi sổ						Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Phạm Thị Nga						KT trưởng		Giám đốc
Trần Thị Hậu						Vũ Xuân Phúc		

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế XK.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán của công ty bao gồm: trị giá mua thực tế + chi phí thu mua.

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

*Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho * Giá đơn vị xuất kho.*

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên} \\ \text{hoàn sau lần nhập i} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho.
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

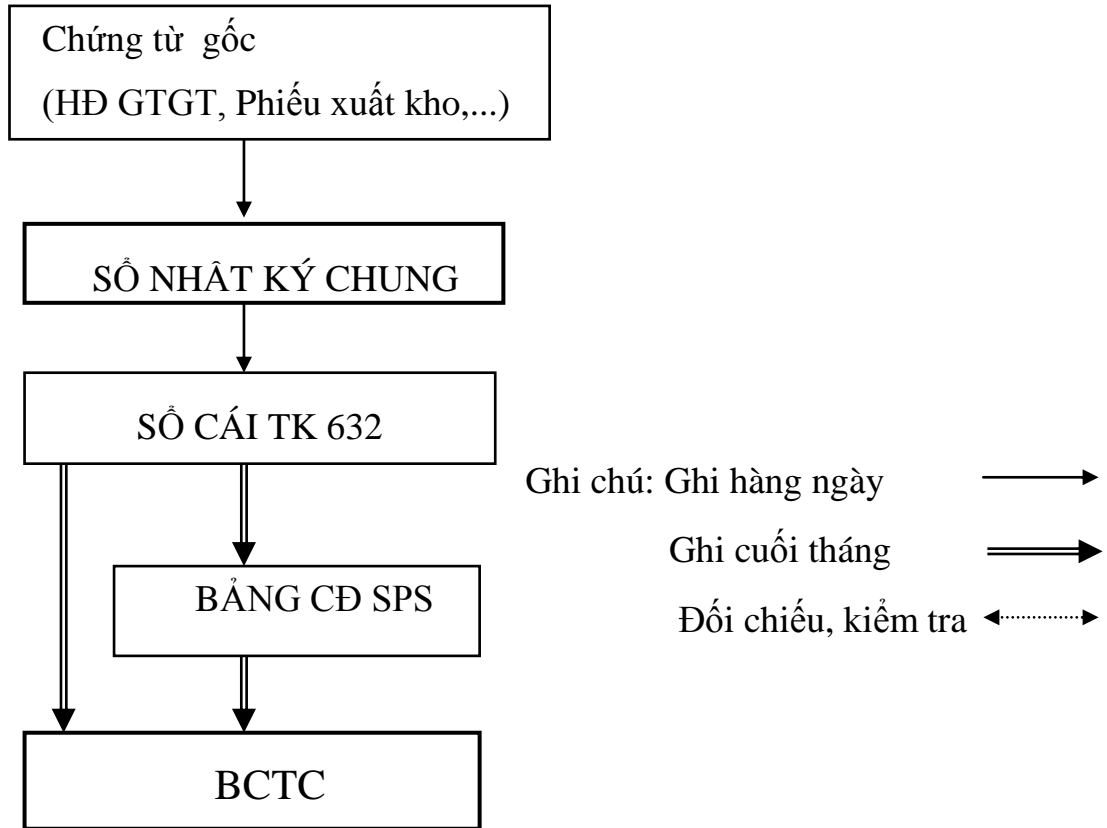
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 156: Hàng hoá.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết hàng hoá.
- Sổ Nhật ký chung,
- Sổ Cái TK 632, TK 156

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, Kế toán sẽ ghi vào Sổ Nhật ký chung, và từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và BCTC.

Ví dụ về hạch toán giá vốn hàng bán.

Ví dụ 2.3 (Minh hoạ tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1):

Ngày 10/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng. Giá vốn là 12.757.576 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0001318.

Căn cứ vào số lượng hàng ghi trên hoá đơn GTGT số 0001318, Kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hoá.

Ngày 5/12 nhập 2 máy biến tần INVT CHV 180, trị giá tiền hàng là 26.000.000 đ. Tồn đầu tháng là 1 cái, trị giá 12.272.727 đồng.

Đơn giá xuất kho = $(12.272.727 + 26.000.000) / 3 = 12.757.576$ đồng

Căn cứ số liệu ghi trên bảng kê bán hàng, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 14), Sổ Cái TK 632 (biểu số 15).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và BCTC.

Ví dụ 2.4 :

Ngày 13/12/2012 bán 1 máy biến tần INVT CHF 100A cho Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật, khách hàng chưa thanh toán; giá bán cả thuế GTGT (10%) là 36.800.000 đồng. Giá vốn là 29.023.128 đồng. HĐ số 0001322.

Căn cứ vào số liệu ghi trên hoá đơn GTGT số 0001322, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết hàng hoá

Tồn đầu tháng của máy biến tần INVT CHF 100A là 2 cái, trị giá 28.965.784 đồng/ cái.

Ngày 10/12 công ty nhập vào 1 máy biến tần INVT CHF 100A với đơn giá 29.137.817 đồng.

Tính đơn giá xuất kho: $(28.965.784 * 2 + 29.137.817) / 3 = 29.023.128$ đồng.

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 14), kế toán ghi Sổ Cái TK 632 (biểu số 15).

Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và BCTC.

Biểu số 12: Phiếu xuất kho số 07/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số 02-VT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO				Nợ	632		
Ngày 10 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 07/12							
Họ và tên người nhận hàng				Phạm Thị Nga	Bộ phận:		KTBH
Lý do xuất kho:				Xuất bán			
Xuất tại kho:				Địa điểm:		Văn phòng công ty	
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biến tần INVT CHV 180	INVT CHV 180	cái	1	1	12.757.576	12.757.576
Cộng				1	1	12.757.576	12.757.576
Tổng số tiền (viết bằng chữ)				Mười hai triệu bảy trăm lăm mươi bảy nghìn, lăm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn			
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001318			
				Ngày 10 tháng 12 năm 2012			
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc	
Phạm Thị Nga		Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc	

Biểu số 13: Phiếu xuất kho số 10/12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số 02-VT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC			
PHIẾU XUẤT KHO				Nợ	632		
Ngày 13 tháng 12 năm 2012				Có	156		
Số: 10/12							
Họ và tên người nhận hàng Phạm Thị Nga				Bộ phận: KTBH			
Lý do xuất kho: Xuất bán							
Xuất tại kho:				Địa điểm: Văn phòng công ty			
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Biến tần INVT CHV 180	INVT CHV 180	cái	1	1	29.023.128	29.023.128
	Cộng			1	1	29.023.128	29.023.128
Tổng số tiền (viết bằng chữ)		Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi tám đồng					
Số chứng từ gốc kèm theo:				HĐ GTGT 0001322			
				Ngày 13 tháng 12 năm 2012			
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Trần Thị Hậu	Trần Thị Hậu	Vũ Xuân Phúc			

Biểu số 14: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số: S03a- DN				
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC				
SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Năm 2012								
ĐVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			<u>Số trang trước chuyển sang</u>					
...
10/12	PX 07/12	10/12	Xuất kho bán	√		632	12.757.756	
				√		156		12.757.756
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt	√		111	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...
13/12	PX 10/12	13/12	Xuất kho bán	√		632	29.023.128	
				√		156		29.023.128
13/12	HĐ 0001322	13/12	Bán hàng chưa thu tiền	√		131	36.800.000	
				√		511		33.454.545
				√		333		3.345.455
...
31/12	PKT 05/12	31/12	Kc giá vốn hàng bán	√		911	4.521.386.553	
				√		632		4.521.386.553
						
			Cộng chuyển sang trang				30.584.367.389	30.584.367.389
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ Phạm Thị Nga			KT Trưởng Trần Thị Hậu			Giám đốc Vũ Xuân Phúc		

Biểu số 15: Trích Sổ Cái tài khoản 632.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA				Mẫu số S03b- DN					
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC					
SỔ CÁI									
(Hình thức NKC)									
Năm 2012									
Tên TK: Giá vốn hàng bán									
Số hiệu: 632									
ĐVT: Đồng									
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐÚ	Số tiền		
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có	
			<u>SDDK</u>						
...	
10/12	PX 07/12	10/12	Xuất kho bán			156	12.757.576		
...	
13/12	PX 10/12	13/12	Xuất kho bán			156	29.023.128		
...	
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c GVHB			911		4.521.386.553	
			Cộng SPS				4.521.386.553	4.521.386.553	
			<u>SDCK</u>						
Người ghi sổ						KT trưởng		Giám đốc	
Phạm Thị Nga						Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc	
						Ngày 31 tháng 12 năm 2012			

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia áp dụng QĐ 15/QĐ- BTC nhưng không sử dụng tài khoản 641; mà hạch toán tất cả các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào TK 642.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia là những chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý điều hành chung của Công ty. Bao gồm:

- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Các chi phí bằng tiền khác.

Tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia không sử dụng TK 641 mà mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng đều được hạch toán vào TK cấp 2 của TK 642.

❖ TK sử dụng là TK 642. TK 642 có 2 TK cấp 2 là :

- TK 6421 – Chi phí bán hàng. Do công ty chưa có bộ phận bán hàng riêng biệt, kế toán bán hàng đóng vai trò là người bán hàng nên các chi phí phát sinh chủ yếu liên quan đến việc bán hàng hầu như là rất ít. Vì vậy công ty không sử dụng TK 641 mà hạch toán luôn vào TK 6421.

- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan chung tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của công ty. Tất cả nhân viên trong công ty đều là nhân viên quản lý, đồ dùng, vật liệu tài sản của công ty cũng chiếm đa phần cho việc phục vụ quản lý chung.

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi, giấy báo có.
- Bảng lương, bảng phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

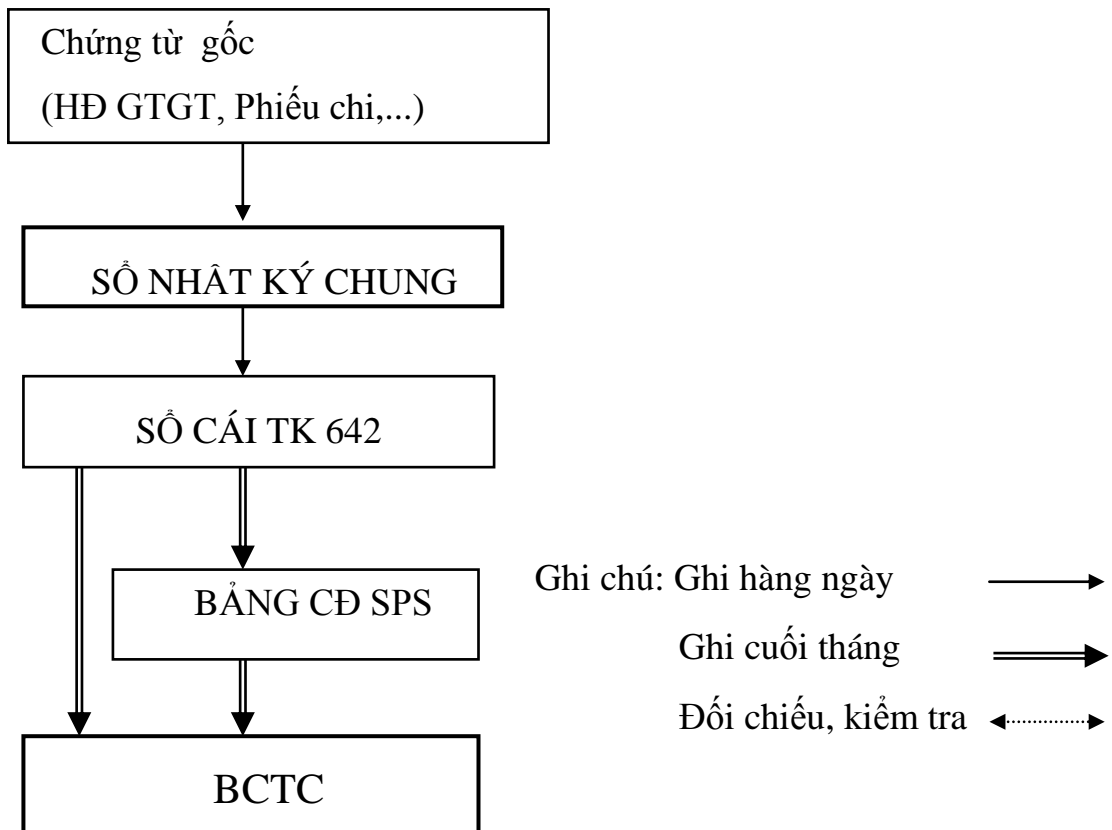
❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 642, 111, 131, ...

2.2.4.3. Quy trình hạch toán.



Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ (HĐ GTGT, Phiếu chi, ...) kế toán hạch toán nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung.

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ Cái TK 642.

Cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái TK 642 để lập Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Ví dụ về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ví dụ 2.5: Ngày 11/12/2012 Công ty chi trả tiền vận chuyển cho công ty CP TM và VT Phúc An Hưng theo hoá đơn GTGT số 0001821.

Từ HĐ GTGT số 0001821, Kế toán viết Phiếu chi số 08/12

Từ các chứng từ trên, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 20), Sổ Cái TK 642 (biểu số 21).

Ví dụ 2.6 : 21/12 Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 11.

Từ hoá đơn dịch vụ viễn thông số 1293875, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 20), Sổ Cái TK 642 (biểu số 21).

Biểu số 16: Hoá đơn GTGT số 0001821.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT/003	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AH/12P	
Liên 2: Giao khách hàng		Số: 0001821	
Ngày 11 tháng 12 năm 2012			
Đơn vị bán hàng:	CP TM VÀ VT PHÚC AN HƯNG		
Địa chỉ:	20/199 Tô Hiệu- Lê Chân- HP		
Số tài khoản:	0200787546		
Điện thoại:	MS		
Họ tên người mua:	Nguyễn Văn Biên		
Tên đơn vị:	Công ty TNHH TM & DV KT Hoàng Gia		
Địa chỉ:	Hải Phòng		
Số tài khoản:			
Hình thức thanh toán	Tiền mặt	MS	0200655356

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Phí vận chuyển hàng				210.000
Cộng tiền hàng					210.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		21.000
Tổng tiền thanh toán					231.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
Nguyễn Văn Biên		Lê Thị Mai		Nguyễn Bảo Long	

Biểu số 17: Phiếu chi số 08/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA	Mẫu số 02-TT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
PHIẾU CHI				
Ngày 11 tháng 12 năm 2012	Quyển số: Số: PC 08/12 Nợ: 642, 133 Có: 111			
Họ tên người nhận tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	Nhân viên công ty			
Lý do chi: Thanh toán CP vận chuyển cho công ty CP TM VÀ VT PHÚC AN HƯNG				
Số tiền: 231.000 (viết bằng chữ)	Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn			
Kèm theo:	HĐ GTGT số 0001821 chứng từ gốc			
Ngày 11 tháng 12 năm 2012				
Giám đốc	KT trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
Vũ Xuân Phúc	Trần thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Hai trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn.		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

Biểu số 18: Hoá đơn dịch vụ viễn thông

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số: 01GTKT2/2001	VT01	
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu (Serial No) :AB/12P		
Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)		Số (No) 1293875		
Mã số thuế: 02 00287977				
Viễn thông Hải Phòng				
Địa chỉ: Số 5- Nguyễn Tri Phương- Hồng Bàng Hải Phòng				
Tên khách hàng: Công ty tự động hoá Hoàng Gia				
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Dư Hàng Kênh- Lê Chân- Hải Phòng				
Số điện thoại: 3500285		Mã số		
Hình thức thanh toán TM/CK		MST 02 00655356		
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Kỳ cước tháng 11/2012			
	a. Cước dịch vụ viễn thông			267.800
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế			0
	c. Chiết khấu + Đa dịch vụ			0
	d. Khuyến mại			0
	e. Trừ tiền đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ			0
	Cộng tiền dịch vụ			267.800
	Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT	26.780
	Tổng cộng tiền thanh toán			294.580
	Số tiền viết bằng chữ	Hai trăm chín mươi tư nghìn, lăm trăm tám mươi đồng		
		Ngày 18 tháng 12 năm 2012		
	Người nộp tiền ký	Nhân viên giao dịch ký		

Biểu số 19: Phiếu chi số 13/12.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA	Mẫu số 02-TT			
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)			
PHIẾU CHI				
Ngày 21 tháng 12 năm 2012	Quyển số: Số: PC 13/12 Số: 642, 133 Số: 111			
Họ tên người nhận tiền:	Phạm Thị Nga			
Địa chỉ:	Nhân viên công ty			
Lý do chi:	Chi thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2012			
Số tiền: 294.580 (viết bằng chữ)	Hai trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng			
Kèm theo:	Hoá đơn dịch vụ viễn thông chứng từ gốc			
Ngày 21 tháng 12 năm 2012				
Giám đốc	KT trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
Vũ Xuân Phúc	Trần thị Hậu	Phạm Thị Nga	Phạm Thị Nga	Nguyễn Văn Mạnh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):		Hai trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng		
Tỷ giá ngoại tệ:				
Số tiền quy đổi				

Biểu số 20: Trích Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA Mẫu số S03a- DN Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC <p style="text-align: center;">SỔ NHẬT KÝ CHUNG</p> Năm 2012 <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán chi phí vận chuyển cho công ty Phúc An Hưng	√		6421	210.000	
				√		133	21.000	
				√		111		231.000
...
21/12	PC 13/12	21/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	√		6422	267.800	
				√		133	26.780	
				√		111		294.580
...
31/12	PKT 01/12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	√		6422	8.419.861	
				√		214		8.419.861
...
31/12	PKT 06/12	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	√		911	381.066.271	
				√		642		381.066.271
...	√
			Cộng chuyển sang trang				30.584.367.389	30.584.367.389
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ Phạm Thị Nga			KT trưởng Trần Thị Hậu			Giám đốc Vũ Xuân Phúc		

Biểu số 21: Trích Sổ Cái tài khoản 642.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA			Mẫu số: S03b- DN					
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP			(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)					
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm 2012								
Tên TK Chi phí quản lý doanh nghiệp								
Số hiệu 642								
ĐVT Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Đòng		Nợ	Có
			SDDK					
...
11/12	PC 08/12	11/12	Thanh toán chi phí vc cho Cty Phúc An Hưng			111	210.000	
...
21/12	PC 13/12	21/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11			111	267.800	
...
31/12	PKT 01/12	31/12	Trích KH TSCĐ tháng 12			214	8.363.588	
...
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c CP QLDN			911		381.066.271
...
			Cộng SPS				381.066.271	381.066.271
			SDCK					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ		KT Trưởng		Giám đốc				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

2.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

Doanh thu hoạt động tài chính được công ty Hoàng Gia sử dụng để phản ánh phần lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng. Các chứng từ sử dụng bao gồm:

- Giấy báo có của ngân hàng.
- Sổ phụ và bảng kê ngân hàng.
- Các chứng từ khác...

Chi phí tài chính được công ty sử dụng để phản ánh chi phí lãi vay, ... các chứng từ sử dụng bao gồm:

- Giấy báo nợ của ngân hàng, ...

2.2.5.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 - Chi phí tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan: TK 112, ...

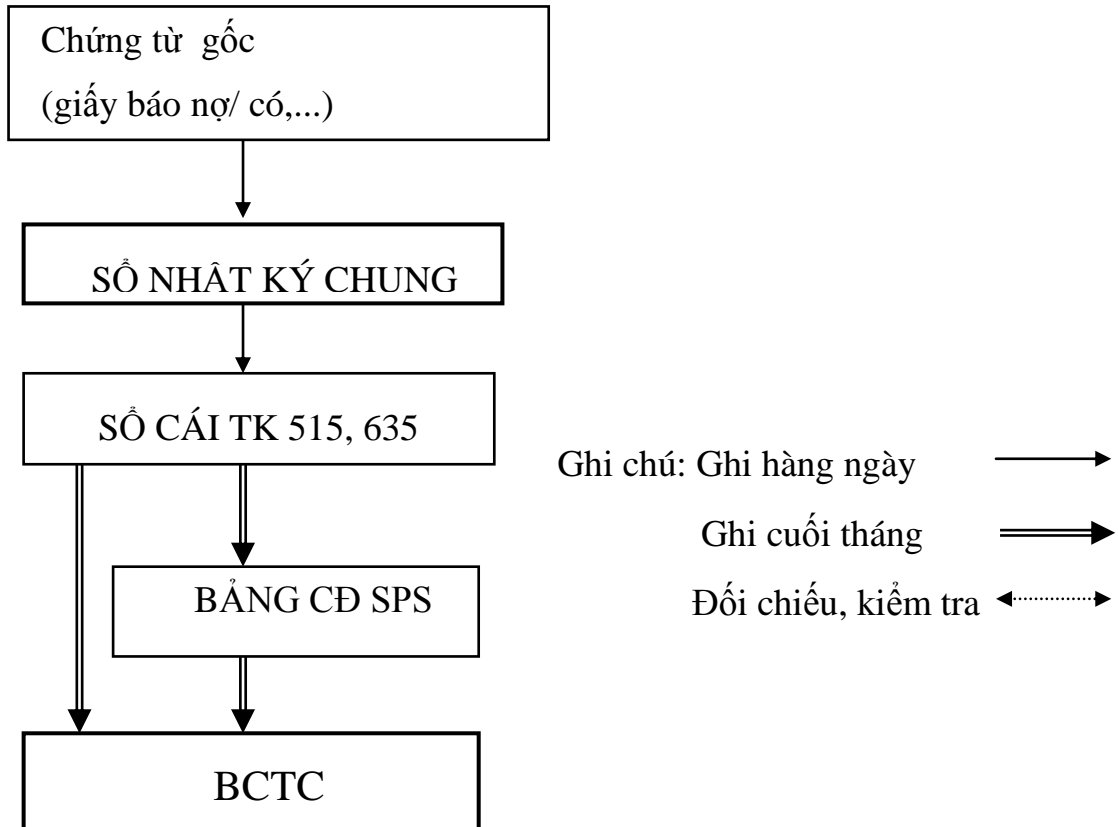
❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, 635.

2.2.5.3. Quy trình hạch toán.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc phát sinh, Kế toán vào Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 515, 635 đồng thời theo dõi Sổ tiền gửi ngân hàng.

Cuối kỳ, tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh và lập Bảng CĐ SPS và BCTC.




Ví dụ về hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.

Trong năm 2012, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến chi phí tài chính, nên không sử dụng TK 635.

Ví dụ 2.7: Ngày 21/12 Công ty nhận được giấy báo có số 000562 của ngân hàng Vietcombank về khoản lãi tiền gửi được nhận. Số tiền 78.568 đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng, Kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 24), Sổ Cái TK 515 (biểu số 25). Cuối kỳ, tổng hợp số phát sinh xác định kết quả kinh doanh và lập Bảng CĐ SPS và BCTC.

Biểu số 22: Giấy báo Có số 000562

	Vietcombank	GIẤY BÁO CÓ	
	11 - Hoàng Diệu-HB-HP	Ngày 21/12/2012	Mã GDV Mã HSKH 4931407 Số GD: 000562
Kính gửi:	Công ty TNHH TM & DVKT Hoàng Gia		
MST	200655356		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau			
Số TK ghi có	31000133583		
Số tiền bằng số	78.568		
Số tiền bằng chữ	Bảy mươi tám nghìn lăm trăm sáu mươi tám đồng		
Nội dung	Lãi tiền gửi ngân hàng.		
	Giao dịch viên		Kiểm soát

Biểu số 23: Trích Sổ tiền gửi ngân hàng.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số S08- DN						
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC						
ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC								
SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG								
Nơi mở TK giao dịch:		Vietcombank						
SHTK tại nơi giao dịch:		0031000133583						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền			Ghi chú
	SH	NT			Thu	Chi	Tồn	
			<u>SDDK</u>				<u>162.003.160</u>	
...	
13/12	GRTV 0024	13/12	Rút TGNH về nhập quỹ	111		40.000.000	69.765.322	
...	
21/12	GBC 000562	21/12	Lãi tiền gửi.	515	78.568			
...			
			<u>Cộng SPS</u>		2.567.098.976	1.983.330.158		
			<u>SDCK</u>				<u>745.771.978</u>	
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Người ghi sổ		KT trưởng		Giám đốc				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

Biểu số 24: Trích Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA Mẫu số S03a- DN Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012 ĐVT: Đồng								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Bán hàng thu tiền mặt	√		111	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	√
12/12	HĐ 0001321	12/12	Bán hàng, chưa thu tiền	√		131	17.500.000	
				√		511		15.909.091
				√		333		1.590.909
...	√
21/12	GBC 000562	21/12	Thu lãi tiền gửi NH	√		112	78.568	
				√		515		78.568
...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	√		515	2.001.152	
				√		911		2.001.152
...
			Cộng chuyển sang trang				30.584.367.389	30.584.367.389
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ			KT trưởng			Giám đốc		
Phạm Thị Nga			Trần Thị Hậu			Vũ Xuân Phúc		

Biểu số 25: Trích Sổ Cái tài khoản 515.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số S03b- DN						
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC						
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK:		Doanh thu hoạt động tài chính						
Số hiệu:		515						
ĐVT: Đồng								
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>					
...
21/12	GBC 000562	21/12	Thu lãi tiền gửi NH			112		78.568
...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c doanh thu HĐTC			911	2.001.152	
			Cộng SPS				2.001.152	2.001.152
			<u>SDCK</u>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ			KT trưởng		Giám đốc			
Phạm Thị Nga			Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh :

$$\begin{aligned}
 &\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí hoạt động kinh doanh} \\
 &\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}
 \end{aligned}$$

Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

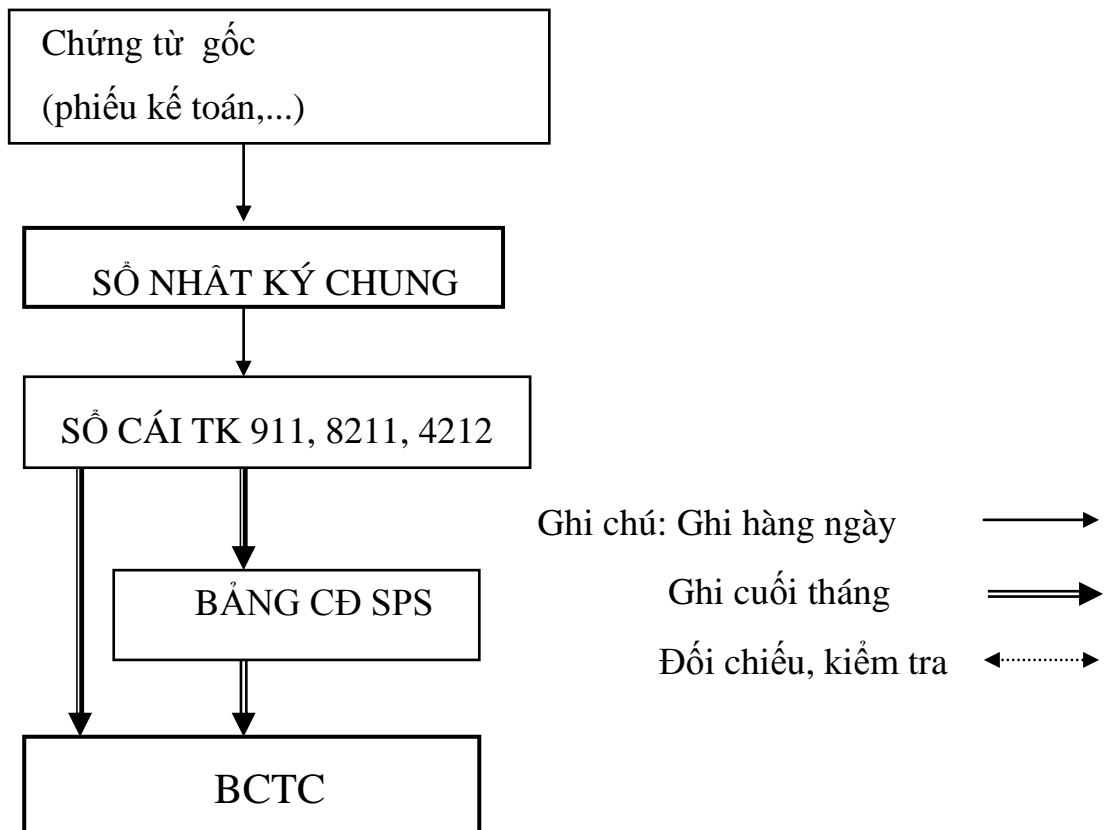
Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, Kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia năm 2012.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	5.003.176.659 đồng
Các khoản giảm trừ doanh thu	=	0 đồng
Doanh thu thuần	=	5.003.176.659 đồng
Giá vốn hàng bán	=	4.521.386.553 đồng
Lợi nhuận gộp	=	481.790.106 đồng
Doanh thu hoạt động tài chính	=	2.001.152 đồng
Chi phí tài chính	=	0 đồng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	=	381.066.271 đồng
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	102.724.987 đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	102.724.987 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp = 102.724.987 * 25%	=	25.681.247 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	102.724.987 - 25.681.247 = 77.043.740 đồng

2.2.6.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.
- ❖ Tài khoản sử dụng :
 - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - TK 8211- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng:
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ Cái TK 911, 8211, 4212.



Biểu số 26: Phiếu kế toán số 04/12

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 04/12 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	5.003.176.659
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.001.152
	Cộng			5.005.177.811
Người lập Phạm Thị Nga		KT trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 27: Phiếu kế toán số 05/12.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 05/12 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.521.386.553
2	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	381.066.271
	Cộng			4.902.452.824
Người lập Phạm Thị Nga		KT trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 28: Phiếu kế toán số 06/12.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 06/12</p> <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế thu nhập DN	8211	3334	25.681.247
	Cộng			25.681.247
Người lập Phạm Thị Nga		KT trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 29: Phiếu kế toán số 07/12

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP <p style="text-align: center;">PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Số: 07/12</p> <p style="text-align: right;">ĐVT: Đồng</p>				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế thu nhập DN	911	8211	25.681.247
	Cộng			25.681.247
Người lập Phạm Thị Nga		KT trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 30: Phiếu kế toán số 08/12.

Đơn vị: Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia				
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Số: 08/12				
				ĐVT: Đồng
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	4212	77.043.740
	Cộng			77.043.740
Người lập Phạm Thị Nga		KT trưởng Trần Thị Hậu		

Biểu số 31: Trích Sổ Nhật ký chung.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số S03a- DN							
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- LC- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC							
ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC									
SỔ NHẬT KÝ CHUNG									
Năm 2012									
			ĐVT: Đồng						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh		
	SH	NT					Nợ	Có	
			Số trang trước chuyển sang						
...	
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DT BH và CCDV	√		511	5.003.176.659		
				√		911		5.003.176.659	
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DTHĐTC	√		515	2.001.152		
				√		911		2.001.152	
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c GVHB	√		911	4.521.386.553		
				√		632		4.521.386.553	
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c CP QLDN	√		911	381.066.271		
				√		642		381.066.271	
31/12	PKT 06/12	31/12	XĐ TTNDN	√		8211	25.681.247		
				√		3334		25.681.247	
31/12	PKT 07/12	31/12	K/c TTNDN	√		911	25.681.247		
				√		8211		25.681.247	
31/12	PKT 08/12	31/12	K/c lợi nhuận sau TTNDN	√		911	77.043.740		
				√		4212		77.043.740	
			Cộng chuyển sang trang				30.584.367.389	30.584.367.389	
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Người ghi sổ		KT trưởng						Giám đốc	
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu						Vũ Xuân Phúc	

Biểu số 32: Trích Sổ Cái tài khoản 911.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA		Mẫu số: S03b- DN						
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)						
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK		Xác định kết quả kinh doanh						
Số hiệu		911						
		ĐVT	Đồng					
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			SDDK					
...
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DTBH và CCDV			511		5.003.176.659
31/12	PKT 04/12	31/12	K/c DTHĐTC			515		2.001.152
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c GVHB			632	4.521.386.553	
31/12	PKT 05/12	31/12	K/c CPQLDN			642	381.066.271	
31/12	PKT 07/12	31/12	K/c TTNDN			8211	25.681.247	
31/12	PKT 08/12	31/12	K/c LNST			4212	77.043.740	
			Cộng SPS				5.005.177.811	5.005.177.811
			SDCK					
				Ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Người ghi sổ		KT Trưởng		Giám đốc				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

Biểu số 33: Trích Sổ Cái tài khoản 821.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA			Mẫu số: S03b- DN					
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP			(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)					
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm 2012								
Tên TK Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp								
Số hiệu 821								
			ĐVT	Đồng				
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			SĐĐK					
...
31/12	PKT 06/12	31/12	Xác định thuế TTND			3334	25.681.247	
31/12	PKT 07/12	31/12	K/c TTND			911		25.681.247
			Cộng SPS				25.681.247	25.681.247
			SDCK					
						Ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Người ghi sổ		KT Trưởng		Giám đốc				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

Biểu số 34: Trích Sổ Cái tài khoản 421.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA			Mẫu số: S03b- DN					
Địa chỉ: 60- Nguyễn Văn Linh- Lê Chân- HP			(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)					
SỔ CÁI								
(Hình thức NKC)								
Năm		2012						
Tên TK		Lợi nhuận chưa phân phối						
Số hiệu		421						
			ĐVT		Đồng			
NT GS	CT		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			SĐĐK					<u>154.892.477</u>
...
31/12	PKT 08/12	31/12	K/c LNST			911		77.043.740
			Cộng SPS				87.093.113	164.136.853
			SDCK					<u>231.936.217</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012								
Người ghi sổ		KT Trưởng		Giám đốc				
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc				

Biểu số 35: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
NĂM 2012				
			ĐVT:	Đồng
Chỉ tiêu	Mã số	TM	2012	2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu BH & CCDV	01	VI.25	5.003.176.659	4.557.867.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.003.176.659	4.557.867.903
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.521.386.553	4.059.465.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		481.790.106	498.402.123
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.001.152	1.652.085
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		381.066.271	293.530.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.724.987	206.523.303
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.724.987	206.523.303
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	25.681.247	51.630.826
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		77.043.740	154.892.477
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
Lập, ngày 20 tháng 2 năm 2013				
Người lập biểu Phạm Thị Nga	KT trưởng Trần Thị Hậu	Giám đốc Vũ Xuân Phúc		

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ KỸ THUẬT HOÀNG GIA.**

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong công việc kinh doanh; nhưng trong những năm qua công ty đã từng bước ổn định, phát triển và đi lên, mở rộng kinh doanh, tạo uy tín với khách hàng, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo công ăn, việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu ở Công ty về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của các anh chị nhân viên trong công ty, đặc biệt là phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em được thực tập, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức mà em có được từ ghế nhà trường. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét, đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

3.1.1. Ưu điểm.

3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.

Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập trung phù hợp với quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý của Công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán

nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Qua đó, Ban giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp, đúng đắn trong các kỳ kinh doanh tiếp theo.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, có kinh nghiệm gồm một kế toán trưởng và một kế toán viên có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau tạo thành một khối thống nhất đảm bảo công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng và đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về hình thức kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của kế toán viên cũng như Ban giám đốc. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do đó, mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, dễ dàng theo dõi mọi hoạt động, kịp thời phát hiện và sửa chữa sai sót.

3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán.

Công ty áp dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Bộ tài chính quy định theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Về kế toán doanh thu: Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng đều được kế toán ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được

xác định một cách hợp lý, đúng thời điểm, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban giám đốc.

Về kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh đều được ghi nhận kịp thời, quản lý tốt đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

Về xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh ở công ty được thực hiện tương đối tốt, phần nào đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa vào Chế độ kế toán và tình hình thực tế tại công ty.

3.1.2. Tồn tại cần khắc phục.

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí

Doanh thu của công ty được cấu thành từ doanh thu bán hàng và doanh thu do cung cấp dịch vụ, nhưng công ty chưa tách biệt giữa hai loại doanh thu này; gây khó khăn trong việc quản lý, phân tích để thấy rõ đóng góp, ảnh hưởng của từng loại doanh thu trong tổng doanh thu.

Công ty sử dụng QĐ 15/2006 QĐ- BTC cho việc hạch toán, ghi chép các nghiệp vụ kế toán. Theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC, Công ty sẽ phải tách biệt giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng công ty chỉ sử dụng chung một tài khoản là tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh cả hai loại chi phí này.

Cùng với việc tăng doanh thu trong năm 2012, thì các khoản chi phí phát sinh tại công ty cũng tăng khá cao làm cho lợi nhuận giảm. Ta cần phân tích để thấy rõ ảnh hưởng của từng loại chi phí đến lợi nhuận.

3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.

Hiện nay, Công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Khi hạch toán về doanh thu, chi phí công ty chỉ mở Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán.

Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán.

3.1.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.

Hiện tại việc quản lý tiền mặt tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia còn một số hạn chế:

- Khoản tiền mặt tại quỹ của công ty là khá nhiều, số dư cuối kỳ tài khoản 111 là khá lớn..
- Việc để tiền mặt nhiều tại công ty là thiếu an toàn, công ty có thể sẽ gặp rủi ro trong những trường hợp bất khả kháng như cháy nổ, thiên tai; kích thích lòng tham của nhân viên, gây thất thoát cho công ty.

3.1.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.2. Hoàn thiện công tác chi phí kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

Trong nền kinh tế, bất cứ doanh nghiệp nào khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định nâng cao doanh thu, giảm chi phí nhằm mục đích tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được điều đó, Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần phải có những quyết định, chính sách kinh doanh hợp lý, nhằm cân đối giữa doanh thu và chi phí. Chính những thông tin kế toán tài chính mà kế toán cung cấp là một trong những cơ sở quan trọng để Ban lãnh đạo có thể đưa ra được những quyết định đó. Những thông tin này cần phải chính xác, kịp thời và đầy đủ, từ đó mới có thể có ích cho Nhà quản lý.

Để có thể đảm bảo vai trò của mình, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở mỗi doanh nghiệp cần không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả. Tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia, mặc dù đã có những ưu điểm nhất định nhưng cũng không tránh khỏi một số hạn chế. Vì thế việc hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty là rất cần thiết. Thêm vào đó, Công ty Hoàng Gia được thành lập chưa lâu, việc hoàn thiện này càng có ý nghĩa quan trọng hơn, điều này sẽ giúp Công ty hạch toán chi tiết hơn các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đồng thời lập đầy đủ sổ sách kế toán, tăng cường quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Qua đó cung cấp kịp thời các thông tin cho Ban lãnh đạo Công ty cũng như các đối tượng liên quan.

3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.

3.2.2.1. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí.

❖ Đối với doanh thu:

Doanh thu của công ty được cấu thành từ 2 nguồn là doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ; nhưng tại công ty 2 loại doanh thu này vẫn được ghi chung vào cùng 1 tài khoản cấp 1 của tài khoản 511; do đó khi hạch toán doanh thu, kế toán công ty nên sử dụng tài khoản cấp 2 của tài khoản 511 là :

- TK 5111- Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

❖ Đối với giá vốn hàng bán:

Công ty nên tìm nguồn cung cấp hàng hoá đầu vào có chất lượng tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

- Tiết kiệm chi phí mua hàng: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Tuỳ theo biến động giá cả của thị trường mà nhập hàng với số lượng nhiều hay ít.
- Thương thảo, đàm phán với nhà cung cấp nhằm có được mức giá hợp lý nhất.
- Tìm kiếm thêm những nhà cung cấp mới; có giá cả, chất lượng cạnh tranh

❖ Đối với việc quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hiện tại, công ty đang hạch toán tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào chung một TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng cách sử dụng hai TK cấp 2 của TK 642 là:

- TK 6421- Chi phí bán hàng
- TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc công ty sử dụng QĐ 15/ QĐ- BTC nhưng lại không sử dụng Tk 641 để hạch toán chi phí bán hàng mà sử dụng TK 6421 là chưa đúng với QĐ 15; như vậy công ty nên:

- Sử dụng riêng TK 641 để hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng.
- Hoặc chuyển sang sử dụng QĐ 48/QĐ-BTC áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để sử dụng hạch toán các chi phí bán hàng vào TK 6421.

3.2.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để tạo ra lợi thế cạnh tranh, có thể thu hút thêm các khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận; công ty nên áp dụng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện có của công ty.

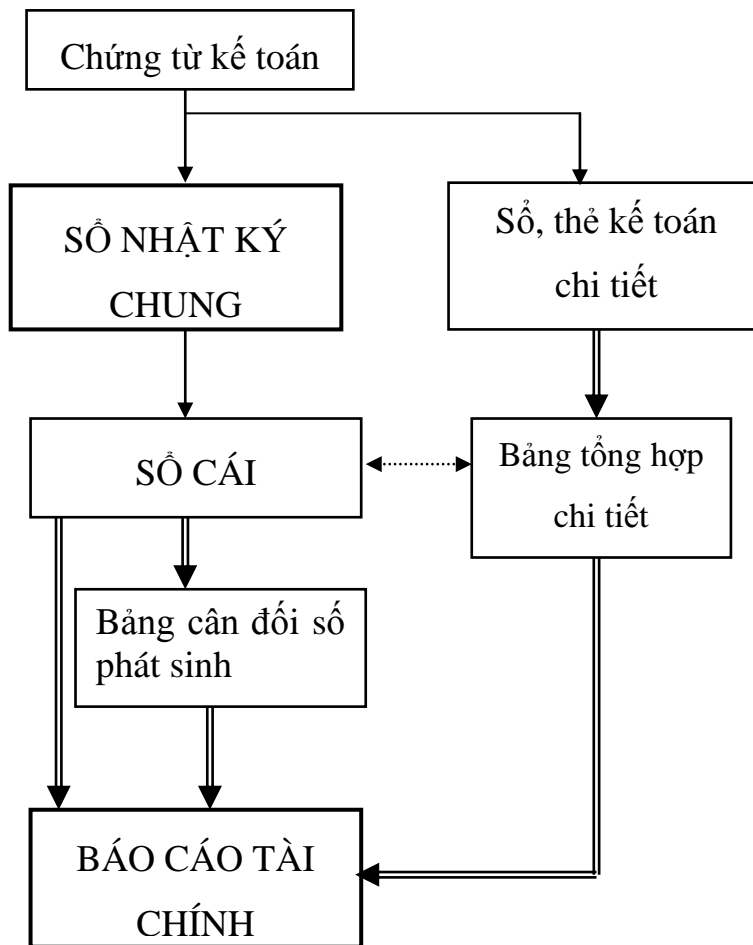
Em xin được đưa ra một số giải pháp sau:

- Công ty có thể tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng trong quá trình vận hành máy.
- Công ty nên có những chính sách bảo hành hàng hoá sau khi bán.

3.2.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống các sổ chi tiết và tổng hợp. Tuy nhiên tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia, khi hạch toán kế toán chỉ sử dụng Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái; để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán em nhận thấy Công ty nên lập các sổ chi tiết doanh thu, chi phí để tiện theo dõi các khoản doanh thu, chi phí, đồng thời góp phần nắm được tình hình kinh doanh của từng lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ của từng loại hàng hoá của công ty. Từ đó, giúp Ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn

Sơ đồ minh họa khi lập sổ chi tiết:



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

❖ Đối với doanh thu.

Công ty nên lập các sổ chi tiết doanh thu chi tiết theo lĩnh vực kinh doanh, loại hàng hoá tiêu thụ. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình kinh doanh của từng lĩnh vực, của từng mặt hàng.

Bên cạnh lập sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu. Cuối kỳ, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết doanh thu và Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu. Sau đó kế toán đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu với số liệu trên Sổ Cái TK 511

xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng lĩnh vực kinh doanh, và chặt chẽ hơn.

Ví dụ minh họa.

- Lĩnh vực thương mại.

Ví dụ: Ngày 10/12 bán 1 máy biến tần INVT CHV 180 cho Công ty TNHH TM Phúc Lợi, giá bán cả thuế GTGT (10%) là 17.500.000 đồng; thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0001318.

Căn cứ vào HĐ số 0001318, kế toán ghi sổ chi tiết doanh thu.

Biểu số 36: Sổ chi tiết doanh thu máy biến tần INVT CHV 180.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA							
Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP							
SỔ CHI TIẾT DOANH THU							
Tên sản phẩm		MBT INVT CHV 180					
Năm		2012					
Tài khoản		5111					
ĐVT						Đồng	
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...
10/12	HĐ 0001318	10/12	Xuất bán	111	1	15.909.091	15.909.091
...
			Cộng				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Người ghi sổ		KT trưởng		Giám đốc			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

- Lĩnh vực dịch vụ.

Ví dụ: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biển tần cho Công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đ (giá chưa thuế GTGT 10%); trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000. HĐ số 0001323.

Biểu số 37: Sổ chi tiết doanh thu.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA							
Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP							
SỔ CHI TIẾT DOANH THU							
		Lĩnh vực	Dịch vụ				
		Năm	2012				
		Tài khoản	5113				
				ĐVT	Đồng		
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...
15/12	HĐ 0001323	15/12	Thay thế 1 LCD keypad	111	1	650.000	650.000
			Chi phí dịch vụ	111		500.000	500.000
...
			Cộng				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Người ghi sổ		KT trưởng		Giám đốc			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

❖ Đối với chi phí.

Hiện tại công ty chỉ lập chung một Sổ Cái cho TK 632 ở cả hai lĩnh vực là thương mại và cung cấp dịch vụ, như vậy sẽ khó theo dõi chi tiết được chi phí giá vốn hàng bán của từng lĩnh vực kinh doanh; vậy nên công ty nên sử dụng thêm sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng lĩnh vực.

Ví dụ minh họa

- Lĩnh vực thương mại

Ví dụ: 13/12/2012, bán 1 máy biến tần INVT CHF 100A cho Công ty TNHH cơ khí Việt Nhật, khách hàng chưa thanh toán; giá bán cả thuế GTGT 10% là 36.800.000 đ. Giá vốn là 29.023.128 đ. HĐ số 0001322. Phiếu xuất kho số 10/12.

Biểu số 38: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực thương mại.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA							
Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP							
SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN							
		Lĩnh vực		Thương mại			
		Năm		2012			
				ĐVT		Đồng	
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán		
	SH	NT			SL	ĐG	TT
...
13/12	PX 10/12	13/12	Bán hàng chưa thu tiền	156	1	29.023.128	29.023.128
...
			Cộng				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Người ghi sổ		KT trưởng		Giám đốc			
Phạm Thị Nga		Trần Thị Hậu		Vũ Xuân Phúc			

- Lĩnh vực dịch vụ.

Ví dụ: Ngày 15/12/2012 nhân viên công ty đến sửa máy biển tần cho công ty TNHH SX và TM Việt Long, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt; chi phí sửa chữa hết 1.150.000 đồng (giá chưa thuế GTGT 10%); trong đó tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng và giá bán 1 thiết bị LCD keypad là 650.000 đồng. HĐ số 0001323.

Biết rằng giá vốn của LCD keypad là 375.000 đồng.

Biểu số 39: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán lĩnh vực dịch vụ

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DVKT HOÀNG GIA											
Địa chỉ: 60 – Nguyễn Văn Linh- LC- HP											
SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN											
Lĩnh vực			Dịch vụ		ĐVT			Đồng			
Năm			2012								
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán			SL	ĐG	TT	
	SH	NT			SL	ĐG	TT				
...	
15/12	PX 13/12	15/12	Thay thế 1 LCD keypad	156	1	375.000	375.000				
...	
			Cộng								
								Ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Người ghi sổ			KT trưởng			Giám đốc					
Phạm Thị Nga			Trần Thị Hậu			Vũ Xuân Phúc					

3.2.2.4. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.

Từ những hạn chế đã chỉ ra ở trên, em xin khuyến nghị công ty nên xây dựng quy định quản lý quỹ tiền mặt vào cơ chế tài chính của công ty; công ty chỉ nên để một số tiền mặt nhất định tại quỹ để phục vụ hoạt động kinh doanh tại công ty; số tiền còn lại công ty nên gửi vào ngân hàng; điều này sẽ đem lại lợi ích cho công ty:

- Hạn chế rủi ro, thất thoát, mất cắp cho công ty.
- Tăng thêm doanh thu hoạt động tài chính, tạo thêm nguồn thu cho công ty; giúp đồng tiền sinh lời.

3.2.2.5. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia là công ty kinh doanh hai lĩnh vực thương mại và dịch vụ, tuy nhiên việc hạch toán còn thủ công, chưa giúp công tác nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đạt được hiệu quả cao nhất.

Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý tại công ty. Cụ thể, là áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công việc, nâng cao độ chính xác, kịp thời của thông tin kế toán, hoàn thiện các Báo cáo tài chính đúng quy định, hạn chế sai sót. Song song với đó là việc đào tạo nhân viên sử dụng thành thạo vi tính văn phòng và thích ứng với các phần mềm kế toán, từ đó giúp Ban lãnh đạo có thông tin một cách chính xác, kịp thời để ra các quyết định quản trị đúng và phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại. Tuy phải bỏ ra một chi phí nhất định nhưng so với những chi phí phải bỏ ra thì đây là một cách sử dụng đồng vốn hiệu quả.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, ESOFT, FAST, SAS INOVA,... đây là các phần mềm rất hay và phổ biến trên thị trường. Khi sử dụng các phần mềm kế toán này, kế toán chỉ cần nhập các số liệu từ các chứng từ trên máy vào chứng từ trên máy, và số liệu sẽ

được chạy tự động vào các sổ sách kế toán liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập các chứng từ phân bổ và kết chuyển, từ đó lập các Báo cáo tài chính.

❖ Phần mềm kế toán MISA.

Phần mềm kế toán MISA SME. NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

Giá của một sản phẩm: 9.950.000 đồng

Hình ảnh 1: Giao diện bàn làm việc của phần mềm kế toán Misa.



❖ Phần mềm kế toán ESoft Financials.

ESoft Financials là sản phẩm liên tục đạt các giải thưởng có uy tín như giải Sao Khuê 2006,... với hàng trăm khách hàng sử dụng thuộc nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau, ở nhiều quy mô khác nhau. ESoft Financials đã khẳng định được chất lượng và vị trí của mình. ESoft Financials hỗ trợ tất cả các khâu trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Phần mềm này có nhiều phiên bản khác nhau phù hợp với các đơn vị có quy mô nhỏ ((Phiên bản ESoft Financials SB) đến những đơn vị có quy mô lớn (Phiên bản ESoft Financials)

Giá của sản phẩm: Giá cả thoả thuận.

Hình ảnh 2: Phần mềm kế toán ESoft Financials.



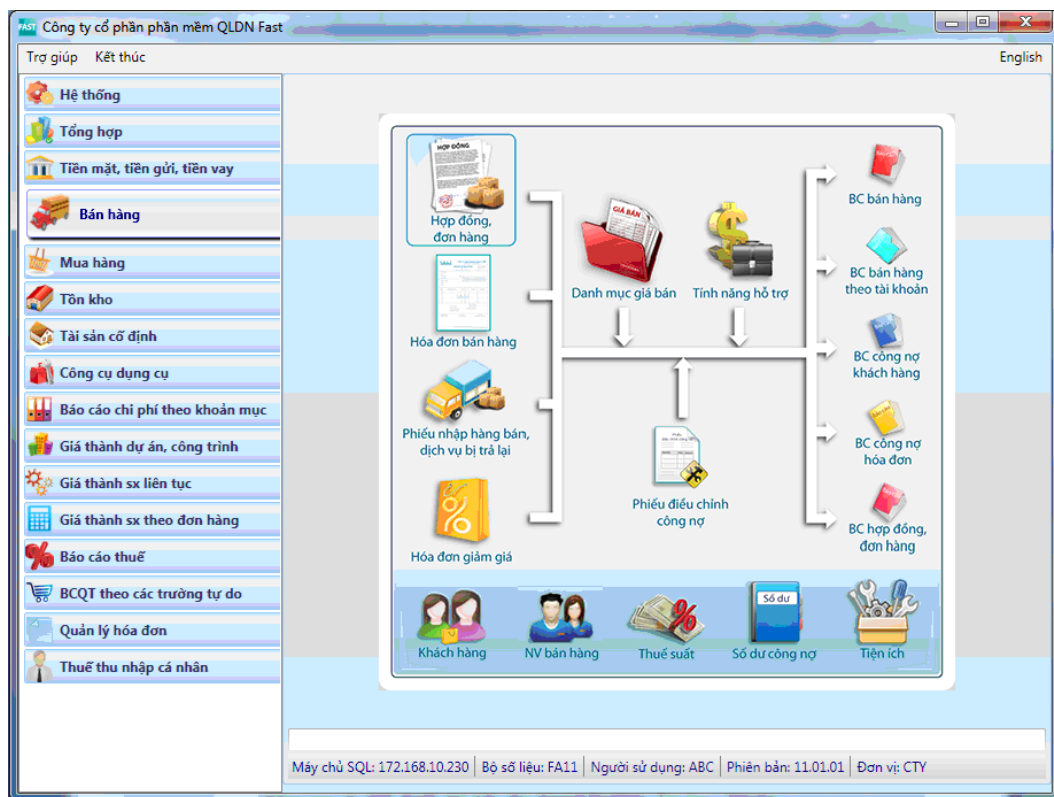
❖ Phần mềm kế toán Fast Accounting.

Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, ...

Phần mềm Fast Accounting có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, các tính năng thể hiện trên các thanh công cụ khá dễ hiểu. Phần mềm có thể cung cấp rất nhanh các báo cáo về doanh thu, chi phí trong mọi thời điểm trong ngày, giúp điều chỉnh hoạt động của công ty. Phần mềm này cũng dễ dàng nâng cấp, cập nhật các thông tư, chính sách của Nhà Nước.

Giá của sản phẩm: 8.000.000 đồng

Hình ảnh 3: Giao diện bàn làm việc của phần mềm kế toán Fast Accounting



❖ Phần mềm kế toán CNS Accounting.

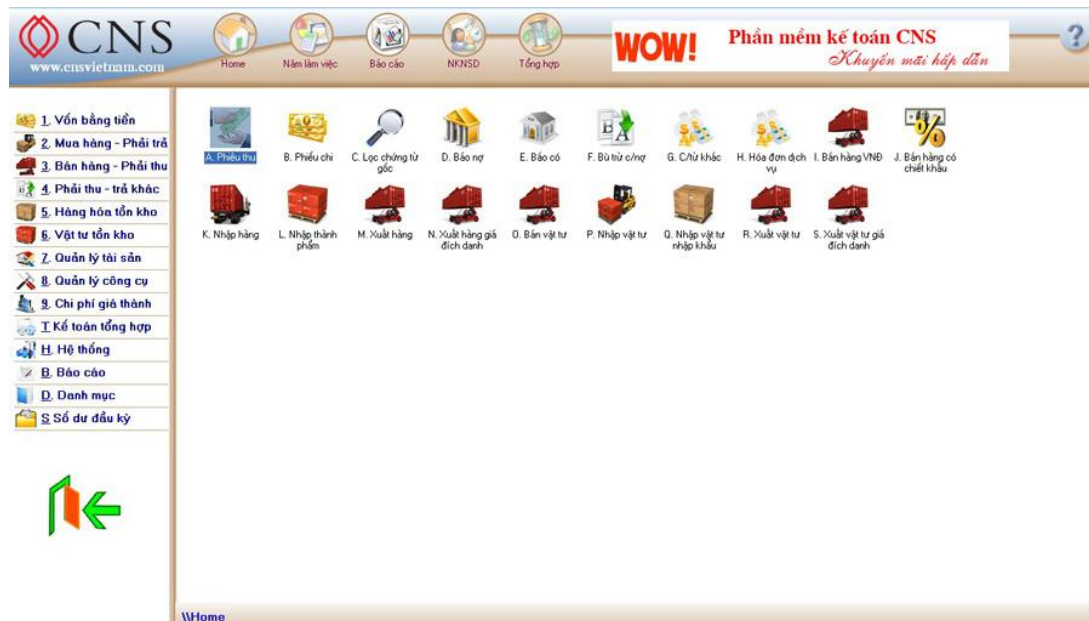
Phần mềm kế toán CNS Accounting được thiết kế theo mô hình tự động hoá các quy trình cơ bản của doanh nghiệp từ tài chính đến sản xuất; với mục tiêu tích hợp thông tin của các phòng ban trong công ty tạo thành một hệ thống đồng bộ, thông suốt, chính xác, tạo hiệu quả cao trong công việc. Các tính năng:

- Xem sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết.
- Theo dõi tạm ứng theo từng đối tượng.
- Theo dõi lãi vay của từng đối tượng qua TK141.
- Biên bản đối chiếu công nợ theo từng đối tượng.

...

Giá của sản phẩm: 5.500.000 đồng.

Hình ảnh 4: Giao diện bàn làm việc phần mềm kế toán CNS Accounting.



KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi và tăng trưởng, tạo cơ hội to lớn để Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung mở rộng quy mô kinh doanh cũng như phạm vi hoạt động kinh doanh. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp do đó ngày càng gay gắt hơn đòi hỏi Công ty phải nâng cao tính cạnh tranh về chất lượng hàng hoá, giá cả, ... Vì vậy, công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia với những kiến thức có được từ ghế giảng đường, em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia”** cho bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Qua đây, em cũng xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé về công tác kế toán cũng như công tác quản lý tại công ty. Tuy nhiên, do sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, thời gian nghiên cứu có hạn và lần đầu tiếp cận thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, Ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS.Phạm Văn Tường và các thầy cô trong khoa Kế toán - Kiểm toán trường ĐH Dân Lập Hải Phòng, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hoàng Gia đã giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Vân Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Bộ tài chính.
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.- Nhà xuất bản Giao thông vận tải.
 - Quyển 2: Chứng từ và sổ kế toán, Báo cáo tài chính, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản Thống kê.
2. Khóa luận tốt nghiệp của các anh chị khoá trên trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
3. Quyết định 15 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.
4. Quyết định 48 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 14/9/2006.
5. Các trang web kinh tế, các báo kinh tế, ...
6. Tài liệu, sổ kế toán năm 2012 của Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia.